

**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4026**/BTC-TCNH  
V/v lấy ý kiến tham định đối với  
dự thảo Nghị định của Chính phủ về  
chế độ tài chính của NHNN

Hà Nội, ngày **09** tháng **5** năm 2022

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Ngày 29/9/2021, Văn phòng Chính phủ có công văn số 6971/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (viết tắt là NHNN) và giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với NHNN và các cơ quan liên quan xây dựng Nghị định trình Chính phủ.

Triển khai ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ nêu trên, căn cứ quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã phối hợp với NHNN xây dựng dự thảo Nghị định về chế độ tài chính của NHNN. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành (NHNN, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ), Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định của Chính phủ về chế độ tài chính của NHNN.

Đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham định đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định nêu trên và gửi lại trước ngày **21/5/2022** để tổng hợp trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan. *h*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Lưu: VT, TCNH (HT Thù-5b); *h*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Đức Chi**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2022*

**BÁO CÁO**

**Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

*(Kèm theo Công văn số 4026./BTC-TCNH ngày 09/5/2022 của Bộ Tài chính)*

Triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) thay thế Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

**1. Mục đích, yêu cầu, phạm vi rà soát và phương pháp rà soát**

**1. Mục đích**

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định tại Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg nhằm: (i) Sửa đổi các quy định chưa phù hợp, các vấn đề còn tồn tại, vướng mắc để tháo gỡ khó khăn, đảm bảo triển khai thi hành Nghị định; (ii) Rà soát và cập nhật pháp luật về ngân hàng, ngân sách, đầu tư công... thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; đảm bảo chính sách xây dựng mang tính thực thi và ổn định trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định.

**2. Yêu cầu**

- Tuân thủ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bám sát mục tiêu, yêu cầu, nội dung rà soát theo quy định.

- Rà soát đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**3. Phương pháp rà soát**

Rà soát, đối chiếu, cập nhật các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định và các văn bản pháp luật có liên quan đến các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định để đảm bảo tuân thủ quy định của Luật NHNN, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan, trên cơ sở đó xác định những nội dung còn phù hợp tại Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg, đồng thời bổ sung, hoàn chỉnh Nghị định để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai

thực hiện Nghị định, bổ sung những quy định mới phù hợp với yêu cầu triển khai thi hành, quản lý nhà nước và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật.

#### **4. Phạm vi rà soát**

Phạm vi rà soát là các văn bản quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực, các văn bản chỉ đạo liên quan đến các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định, bao gồm:

##### *4.1. Các luật có liên quan*

- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Luật Ngân sách nhà nước.
- Luật Đầu tư công.
- Luật các Tổ chức tín dụng.
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
- Luật Đấu thầu.

##### *4.2. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ*

Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của NHNN.

## **II. Kết quả rà soát**

Trên cơ sở hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của NHNN, về cơ bản các nội dung mới tại dự thảo Nghị định đã phù hợp các quy định pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:

### ***1. Quy định về vốn hoạt động của NHNN***

- Theo quy định tại Luật NHNN, NHNN có vốn pháp định và được sử dụng vốn pháp định để góp vốn thành lập doanh nghiệp đặc thù nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của NHNN theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (khoản 10 Điều 4 Luật NHNN). NHNN được trích từ kết quả tài chính hàng năm để lập Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định (Khoản 1 Điều 45).

- Theo quy định tại Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg, NHNN quản lý và sử dụng các loại vốn sau đây: 1. Vốn pháp định; 2. Tiền phát hành vào lưu thông để thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia; 3. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng (TCTD), Kho bạc Nhà nước (KBNN); 4. Vốn đi vay, 5. Vốn khác.

Trong đó, vốn pháp định của NHNN là 10.000 tỷ đồng, được sử dụng để: (i) Đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định; (ii) Góp vốn thành lập doanh

nghiệp đặc thù nhằm thực hiện các nhiệm vụ của NHNN theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Để đảm bảo đồng bộ với hệ thống pháp luật và phản ánh đúng bản chất sử dụng các nguồn lực tài chính của NHNN, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định như sau: (i) vốn của NHNN gồm vốn pháp định, vốn NSNN do NHNN quản lý (gồm phần chênh lệch thu chi đã sử dụng và phần sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia để đóng góp vào các tổ chức quốc tế mà NHNN là đại diện cho Chính phủ Việt Nam); (ii) các quỹ và dự phòng gồm Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, Quỹ dự phòng tài chính, khoản dự phòng rủi ro, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập; (iii) tài sản nợ của NHNN gồm tiền phát hành vào lưu thông, tiền gửi của TCTD và KBNN, các khoản nợ nước ngoài, phát hành giấy tờ có giá, tài sản nợ khác (Điều 3 dự thảo Nghị định).

Về vốn pháp định, tại dự thảo Nghị định quy định giữ nguyên, không thay đổi về mức vốn pháp định. Đối với việc sử dụng góp vốn thành lập doanh nghiệp đặc thù: Dự thảo Nghị định quy định do Thủ tướng Chính phủ quyết định. NHNN quản lý tương tự như vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Riêng cổ tức, lợi nhuận thu được từ khoản vốn góp thì NHNN hạch toán vào thu nhập vì đây là sử dụng vốn pháp định của NHNN. Đối với việc sử dụng vốn pháp định để đầu tư, mua sắm TSCĐ phục vụ bộ máy sẽ thực hiện tuân thủ theo pháp luật liên quan (Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu...).

## ***2. Quy định về chi phí:***

- Tại Luật NHNN có quy định về chức năng, nhiệm vụ của NHNN; trong đó quy định: Thống đốc NHNN quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ. NHNN thực hiện (i) tổ chức in, đúc, bảo quản, vận chuyển tiền giấy, tiền kim loại; thực hiện nghiệp vụ phát hành, thu hồi, thay thế và tiêu huỷ tiền giấy, tiền kim loại; (ii) quản lý Dự trữ ngoại hối nhà nước; (iii) cho vay tái cấp vốn đối với các tổ chức tín dụng. Thủ tướng Chính phủ quy định những nội dung thu, chi tài chính phù hợp với hoạt động nghiệp vụ đặc thù của NHNN.

- Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg quy định về đầu mục các khoản chi của NHNN, bao gồm chi hoạt động nghiệp vụ và chi bộ máy quản lý.

- Để đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật, rõ ràng khi thực hiện, Bộ Tài chính đề xuất quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định như sau: (i) Đối với các khoản chi hoạt động nghiệp vụ, NHNN phải tuân thủ theo Luật NHNN, Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn; (ii) Đối với chi cho bộ máy quản lý, NHNN thực hiện theo định mức chi tiêu của Nhà nước.

## ***3. Quy định về đóng góp vào các tổ chức quốc tế***

- Theo quy định tại Luật NHNN, NHNN được thực hiện đại diện cho Nhà

nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức tiền tệ và ngân hàng quốc tế.

- Tại Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg quy định NHNN được sử dụng chênh lệch thu, chi hàng năm sau khi trừ phần kinh phí khoán để đóng góp vào các tổ chức quốc tế mà NHNN là đại diện cho Chính phủ Việt Nam (nếu trong năm tài chính có phát sinh).

- Theo quy định của Luật NSNN năm 2015, chênh lệch thu chi của NHNN là khoản thu của ngân sách trung ương.

- Luật Đầu tư công không có quy định bố trí chi đầu tư công cho các Bộ, ngành/doanh nghiệp góp vốn vào tổ chức, doanh nghiệp khác.

Do đó, để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NHNN, Luật NSNN và để phản ánh đúng tính chất khoản chi, Bộ Tài chính đề xuất bỏ quy định NHNN sử dụng chênh lệch thu chi để đóng góp vào các tổ chức quốc tế và sửa đổi theo hướng:

+ Đối với khoản đóng phí sử dụng quyền rút vốn đặc biệt của IMF, đóng phí thường niên vào các tổ chức quốc tế thì NSNN bố trí dự toán để NHNN thực hiện để phản ánh đúng tính chất của khoản chi vì đây là khoản chi thuộc nhiệm vụ của Nhà nước; NHNN chỉ là cơ quan đại diện, thay mặt cho Chính phủ Việt Nam tham gia đóng góp. Trường hợp trong năm NHNN phát sinh đột xuất các khoản đóng góp nhưng chưa được bố trí trong dự toán NSNN năm thì NHNN được phép tạm ứng từ Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia để đóng góp; số tạm ứng này sẽ được NSNN bố trí bổ sung trong dự toán NSNN năm tiếp theo.

+ Đối với khoản góp vốn vào các tổ chức quốc tế thì NHNN được sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia để thực hiện vì việc tham gia góp vốn vào các tổ chức quốc tế sẽ hỗ trợ quá trình hiện đại hóa hoạt động của NHNN, nâng cao năng lực thống kê, phân tích, dự báo, xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ. Tại dự thảo Nghị định quy định NHNN theo dõi và hạch toán tăng vốn NSNN do NHNN quản lý đối với khoản góp vốn vào các tổ chức quốc tế; cổ tức, lợi nhuận thu được từ việc đóng góp này được nộp về NSNN.

#### ***4. Về trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ (Quỹ CSTT)***

- Tại Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg quy định NHNN được sử dụng Quỹ CSTT để (i) cho vay hỗ trợ các tổ chức tín dụng (TCTD) gặp sự cố ảnh hưởng đến an toàn hệ thống; (ii) cho vay đối với các thành viên tham gia hệ thống thanh toán; (iii) cho vay đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để thực hiện các biện pháp góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD; (iv) góp vốn, mua cổ phần của TCTD được kiểm soát đặc biệt; (v) các khoản phát sinh khác liên quan đến thực hiện chính sách tiền tệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về chủ trương.

- Tại Luật NHNN quy định, NHNN được cho vay tái cấp vốn, cho vay đặc biệt đối với các TCTD.

- Luật NHNN và Luật Bảo hiểm tiền gửi không có quy định về việc cho vay đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để thực hiện các biện pháp góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD.

- Tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD năm 2017 không còn quy định về việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

- Do vậy, để đảm bảo thống nhất trong quy định, tại dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đề xuất bỏ quy định sử dụng Quỹ CSTI để (i) cho vay hỗ trợ các TCTD gặp sự cố ảnh hưởng đến an toàn hệ thống và cho vay đối với các thành viên tham gia hệ thống thanh toán do việc cho vay này tương tự như cho vay khác của NHNN như cho vay tái cấp vốn, cho vay đặc biệt; (ii) cho vay đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để thực hiện các biện pháp góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD vì không có cơ sở pháp lý tại Luật NHNN và Luật Bảo hiểm tiền gửi; (iii) góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 149 Luật các TCTD năm 2010 vì Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD năm 2017 không còn quy định về việc này.

### ***5. Về xây dựng dự toán và giao dự toán thu ngân sách***

- Theo quy định của Luật NSNN năm 2015, chênh lệch thu chi của NHNN là khoản thu của ngân sách trung ương.

- Do đó, tại dự thảo Nghị định quy định về thực hiện quá trình xây dựng dự toán thu NSNN và giao dự toán thu ngân sách đối với khoản chênh lệch thu chi của NHNN là phù hợp với quy định của Luật NSNN.

### **III. Kết luận**

Trên đây là báo cáo của Bộ Tài chính rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung quy định tại dự thảo Nghị định thay thế Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của NHNN. Về cơ bản các nội dung dự thảo Nghị định đã phù hợp đồng bộ thống nhất với các quy định pháp luật hiện hành./.

*Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2022*

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**Dự thảo Nghị định của Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thay thế Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ**

Ngày 24/01/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (viết tắt là Quyết định số 07), tạo hành lang pháp lý cho hoạt động quản lý tài chính của NHNN thực hiện theo quy định của Luật NHNN năm 2010 và các quy định của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, sau 08 năm thi hành, đến nay một số nội dung quy định về quản lý tài chính đối với NHNN quy định tại Quyết định số 07 đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập.

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại văn bản số 1622/VPCP-KTTH ngày 01/7/2021 về việc giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với NHNN, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá toàn diện việc thực hiện Quyết định số 07 để sửa đổi, bổ sung đảm bảo khắc phục các tồn tại, hạn chế và các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của NHNN. Bộ Tài chính xin báo cáo đánh giá tác động việc ban hành Nghị định như sau:

**I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan****1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Theo Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010, Thủ tướng Chính phủ quy định những nội dung thu, chi tài chính phù hợp với hoạt động nghiệp vụ đặc thù của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (viết tắt là NHNN).

Triển khai Luật NHNN, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 07, trong đó quy định các nội dung về quản lý tài chính đối với NHNN, bao gồm quản lý vốn và tài sản, doanh thu – chi phí, cơ chế khoán kinh phí hoạt động, phân phối chênh lệch thu – chi... Tuy nhiên, sau 08 năm thi hành, một số nội dung quy định về quản lý tài chính đối với NHNN quy định tại Quyết định số 07 đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập như chưa có quy định cụ thể về việc sử dụng vốn pháp định, nguyên tắc ghi nhận doanh thu – chi phí, thẩm quyền quyết định và trình tự thủ tục sử dụng các Quỹ; cơ chế khoán kinh phí hoạt động đối với NHNN chưa tạo ra được sự khuyến khích đối với NHNN; việc đóng góp vào các tổ chức quốc tế cần được rà soát lại để đảm bảo phù hợp với tính chất của

khoản chi đóng góp... Một số bất cập về chế độ tài chính của NHNN cũng đã được Kiểm toán Nhà nước chỉ ra trong các cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính của NHNN. Ngoài ra, các căn cứ để ban hành Quyết định số 07 cũng đã thay đổi như Luật tổ chức Chính phủ, Luật ngân sách nhà nước.

Tại văn bản số 1622/VPCP-KTTH ngày 04/7/2021 của Văn phòng Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ đã giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với NHNN rà soát, sửa đổi Quyết định số 07.

Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quyết định số 07 đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Triển khai thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ và để hoàn thiện pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường năng lực hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho NHNN, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Quyết định số 07 nhằm đảm bảo mục tiêu sau:

*Thứ nhất*, tuân thủ các quy định của Luật NHNN, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

*Thứ hai*, kế thừa những nội dung còn phù hợp tại Quyết định số 07 để xây dựng Nghị định thay thế; đồng thời, bổ sung, hoàn chỉnh một số quy định nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 07.

*Thứ ba*, nghiên cứu, bổ sung những quy định mới để phù hợp với yêu cầu triển khai thi hành, quản lý nhà nước.

## **II. Đánh giá tác động của chính sách**

### **1. Về vốn hoạt động của NHNN**

#### **1.1. Nội dung bất cập**

- Tại Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg quy định NHNN quản lý và sử dụng các loại vốn sau đây: 1. Vốn pháp định; 2. Tiền phát hành vào lưu thông để thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia; 3. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng, Kho bạc nhà nước; 4. Vốn đi vay, 5. Vốn khác.

Tại Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg và văn bản hướng dẫn quy định mức vốn pháp định của NHNN là 10.000 tỷ đồng, được hình thành từ các nguồn vốn NSNN đã cấp, vốn đầu tư xây dựng cơ bản (ĐTXDCB) và mua sắm tài sản cố định (TSCĐ), khoản trích từ chi phí bằng 12% trên giá trị TSCĐ bình quân hàng năm. Theo quy định của Luật NHNN và Thông tư hướng dẫn chế độ tài chính của NHNN, vốn pháp định được sử dụng để: (i) Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ; (ii) Góp vốn thành lập doanh nghiệp đặc thù nhằm thực hiện các nhiệm vụ của NHNN theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Việc quy định NHNN quản lý và sử dụng các loại vốn như nêu trên là



chưa phản ánh đúng các nguồn vốn hoạt động thực có mà NHNN được giao sử dụng vì về bản chất thì “tiền phát hành vào lưu thông” và “tiền gửi của các tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước” không phải là nguồn vốn NHNN có thể sử dụng để phục vụ hoạt động của NHNN mà để thực hiện chức năng điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương.

- Hiện nay, NHNN đã đủ vốn pháp định theo quy định là 10.000 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn pháp định đã sử dụng đến ngày 31/12/2021 là 3.527 tỷ đồng gồm: giá trị còn lại của TSCĐ: 3.062 tỷ đồng, tạm ứng vốn thực hiện các công trình: 323 tỷ đồng, tạm ứng chi mua sắm TSCĐ nhưng chưa quyết toán: 20 tỷ đồng và góp vốn để thành lập Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS): 121,5 tỷ đồng.

Tuy nhiên, Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg chưa có quy định cụ thể về quy trình và các vấn đề quản lý vốn góp vào các doanh nghiệp đặc thù theo quy định tại Luật NHNN. Đối với ĐTXDCB và mua sắm TSCĐ thì quy định thực hiện theo quy định của pháp luật nhưng không rõ là pháp luật nào.

### *1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Quy định đảm bảo phản ánh đúng bản chất sử dụng các nguồn lực tài chính của NHNN. Đồng thời quy định cụ thể về việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản của NHNN; trong đó làm rõ về quy trình, thủ tục, thẩm quyền để thực hiện góp vốn thành lập doanh nghiệp đặc thù cũng như việc quản lý, giám sát của NHNN.

### *1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề*

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại dự thảo Nghị định như sau: “*Vốn, quỹ và tài sản nợ của NHNN*”, trong đó có quy định cụ thể về (i) vốn của NHNN gồm vốn pháp định, vốn NSNN do NHNN quản lý (gồm phần chênh lệch thu chi đã sử dụng và phần sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia để đóng góp vào các tổ chức quốc tế); (ii) các quỹ và dự phòng gồm Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, Quỹ dự phòng tài chính, khoản dự phòng rủi ro, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập; (iii) tài sản nợ của NHNN gồm tiền phát hành vào lưu thông, tiền gửi của TCTD và KBNN, các khoản nợ nước ngoài, phát hành giấy tờ có giá, tài sản nợ khác.

- Về vốn pháp định, tại dự thảo Nghị định quy định như sau:

+ Về mức vốn pháp định: Giữ nguyên, không thay đổi.

+ Về sử dụng góp vốn thành lập doanh nghiệp đặc thù: Dự thảo Nghị định quy định do Thủ tướng Chính phủ quyết định. NHNN quản lý tương tự như vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Riêng cổ tức, lợi nhuận thu được từ khoản vốn góp thì NHNN hạch toán vào thu nhập vì đây là sử dụng vốn pháp định của NHNN.

+ Về sử dụng vốn pháp định để ĐTXDCB và mua sắm TSCĐ, dự thảo

Nghị định quy định cụ thể như sau:

++ Đối với ĐTXDCB, dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công từ NSNN, NHNN thực hiện theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

++ Đối với các dự án ĐTXDCB, dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng từ vốn pháp định, NHNN thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công áp dụng đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư và pháp luật có liên quan.

++ Đối với đầu tư, mua sắm TSCĐ khác (không lập thành dự án), NHNN thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan. Hàng năm, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng mức kinh phí được sử dụng để đầu tư, mua sắm TSCĐ. Thống đốc NHNN phê duyệt kế hoạch và quyết định việc đầu tư, mua sắm TSCĐ trên cơ sở tổng mức kinh phí được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đối với tài sản nợ: Tại dự thảo Nghị định có quy định NHNN sử dụng các tài sản nợ của NHNN để đầu tư, cho vay và thanh toán với các ngân hàng ở nước ngoài theo quy định tại Luật NHNN, pháp luật về ngoại hối và để cho đầu tư, cho vay trong nước theo quy định của Luật NHNN, Luật các Tổ chức tín dụng và các pháp luật có liên quan.

- Đối với các Quỹ: Tại dự thảo Nghị định quy định cụ thể về việc NHNN quản lý, sử dụng các quỹ.

#### *1.4. Đánh giá tác động của giải pháp*

- *Tác động về kinh tế - xã hội:* Đảm bảo quy định rõ ràng, phản ánh đúng tính chất của nguồn vốn, tài sản nợ và các quỹ của NHNN. Làm rõ thẩm quyền quyết định sử dụng vốn pháp định để góp vốn vào doanh nghiệp đặc thù và đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ để đảm bảo tính công khai, minh bạch, rõ ràng trong thực thi pháp luật.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt giới.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Chính sách không làm phát sinh các thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật NHNN, Luật Đầu tư công và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

## **2. Về thu nhập – chi phí:**

### *2.1. Nội dung bất cập*

Tại Quyết định số 07 đã quy định về các khoản thu nhập – chi phí của NHNN. Tuy nhiên, riêng về nguyên tắc ghi nhận thu nhập – chi phí thì chưa có quy định cụ thể.

Thực tế thời gian qua, đối với khoản cho vay đặc biệt, NHNN hạch toán như sau: khi khoản cho vay được gia hạn (là khoản cho vay trong hạn) thì NHNN hạch toán lãi dự thu và khi khoản cho vay quá hạn thì NHNN hạch toán thoái thu lãi đối với khoản cho vay này. Tuy nhiên, theo Báo cáo kiểm toán năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước, việc hạch toán như nêu trên là chưa đảm bảo cơ sở/điều kiện chắc chắn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 về doanh thu, thu nhập và Luật NHNN.

## *2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Quy định cụ thể về các khoản thu nhập, chi phí, nguyên tắc ghi nhận thu nhập, chi phí của NHNN để NHNN có căn cứ thực hiện; đồng thời xác định rõ cơ chế khoán kinh phí hoạt động đối với NHNN nhằm khuyến khích NHNN tăng cường trách nhiệm trong việc thực hiện kế hoạch tài chính và dự toán nộp NSNN.

## *2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

- Bổ sung quy định về nguyên tắc ghi nhận thu nhập của NHNN tại dự thảo Nghị định theo hướng NHNN thực hiện phân loại rủi ro đối với các khoản cho vay và có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn của khoản nợ để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu.

- Quy định đầy đủ các khoản chi phí trong hoạt động của NHNN. Trong đó quy định cụ thể đối với các khoản chi nghiệp vụ, NHNN thực hiện theo Luật NHNN, Luật các TCTD và các văn bản hướng dẫn; đối với các khoản chi cho bộ máy quản lý, NHNN thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức chi quy định đối với cơ quan quản lý Nhà nước.

## *2.4. Đánh giá tác động*

- *Tác động về kinh tế - xã hội:* Đảm bảo quy định rõ ràng các khoản thu, chi của NHNN và nguyên tắc ghi nhận thu nhập – chi phí để phản ánh đúng thu nhập – chi phí; đảm bảo tính công khai, minh bạch, rõ ràng trong thực thi pháp luật.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt giới.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Chính sách không làm phát sinh các thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp, thống nhất với Luật

NHNN, Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### **3. Về trích lập khoản dự phòng rủi ro và các Quỹ theo quy định tại Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg:**

#### **3.1. Nội dung bất cập**

- Theo Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg, NHNN được trích lập khoản dự phòng rủi ro, Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia và Quỹ dự phòng tài chính. Cụ thể:

+ Khoản dự phòng rủi ro: Mức trích bằng 10% chênh lệch thu, chi; sử dụng để bù đắp các khoản tổn thất hoặc coi như tổn thất trong hoạt động của NHNN. Số dư khoản dự phòng rủi ro đến ngày 31/12/2021 là 13.967 tỷ đồng.

Quyết định số 07 có quy định về nội dung sử dụng khoản DPRR nhưng chưa có quy định cụ thể về nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện và trình tự thủ tục sử dụng khoản dự phòng rủi ro. Các nội dung này được quy định tại Thông tư số 39/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của NHNN.

+ Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia (viết tắt là Quỹ CSTT): Mức trích bằng 20% chênh lệch thu, chi hàng năm cho đến khi số dư của Quỹ bằng mức vốn pháp định; được sử dụng cho các mục đích cho vay hỗ trợ tổ chức tín dụng (viết tắt là TCTD), hỗ trợ hệ thống thanh toán, Bảo hiểm tiền gửi, góp vốn, mua cổ phần của TCTD được kiểm soát đặc biệt và các khoản phát sinh khác liên quan đến thực hiện CSTT. Theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg, NHNN chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ CSTT. NHNN đã ban hành Thông tư số 36/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 quy định quản lý và sử dụng Quỹ CSTT, trong đó có quy định về nguyên tắc quản lý, thẩm quyền quyết định và trình tự, thủ tục sử dụng Quỹ CSTT. Tính đến ngày 31/12/2021, số dư Quỹ CSTT là 9.230 tỷ đồng. Trong thời gian qua, Quỹ được sử dụng chủ yếu để cấp vốn điều lệ cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Nhà máy In tiền Quốc gia và xử lý bù đắp chênh lệch thu chi âm năm 2014, chưa sử dụng để cho vay hỗ trợ các TCTD.

Đối với Quỹ CSTT cần làm rõ phạm vi và nội dung chi vì (i) thực tế, NHNN chưa sử dụng Quỹ CSTT để cho vay đối với các TCTD; (ii) việc quy định sử dụng Quỹ CSTT để cho vay đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để thực hiện các biện pháp góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD không có cơ sở pháp lý vì tại Luật NHNN và Luật Bảo hiểm tiền gửi không quy định về nội dung này.

+ Quỹ dự phòng tài chính: Mức trích bằng 10% chênh lệch thu, chi hàng năm cho đến khi số dư của Quỹ không vượt quá 25% mức vốn pháp định; được sử dụng để bù đắp phần còn lại những tổn thất, thiệt hại về tài sản sau khi đã

được bồi thường, bảo hiểm thanh toán, sử dụng dự phòng rủi ro và bù đắp chênh lệch thu chi âm. Số dư Quỹ dự phòng tài chính đến ngày 31/12/2021 là 2.500 tỷ đồng. Ngoài quy định về việc sử dụng quỹ dự phòng tài chính để bù đắp chênh lệch thu chi âm, Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg không quy định cụ thể biện pháp xử lý cũng như các nguồn khác có thể được sử dụng để xử lý bù đắp chênh lệch thu chi âm.

### 3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Khắc phục một số tồn tại về việc quản lý và sử dụng các quỹ hiện nay.

### 3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi bổ sung quy định cụ thể về nguyên tắc quản lý, thẩm quyền quyết định và trình tự, thủ tục sử dụng các Quỹ, cụ thể:

- Đối với khoản dự phòng rủi ro: Bổ sung quy định cụ thể về nguyên tắc, thời điểm trích lập khoản dự phòng rủi ro, phân loại tài sản có rủi ro, phương pháp xác định và tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro; đồng thời bổ sung thẩm quyền xử lý tổn thất bằng khoản dự phòng rủi ro theo hướng (i) Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép sử dụng khoản dự phòng rủi ro để xử lý các khoản nợ được xóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; (ii) đối với các khoản tổn thất còn lại trong hoạt động của NHNN, Thống đốc NHNN quyết định sử dụng khoản dự phòng rủi ro để xử lý.

- Đối với Quỹ CSTT: Bổ sung các quy định tại dự thảo Nghị định như sau:

+ Bổ quy định sử dụng Quỹ CSTT để (i) cho vay hỗ trợ các TCTD gặp sự cố ảnh hưởng đến an toàn hệ thống, (ii) cho vay đối với các thành viên tham gia hệ thống thanh toán. Trường hợp NHNN thực hiện cho vay thì NHNN sử dụng tiền phát hành theo Luật NHNN vì việc cho vay này tương tự như cho vay khác của NHNN như cho vay tái cấp vốn, cho vay đặc biệt..

+ Bổ quy định sử dụng Quỹ CSTT để (i) cho vay đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để thực hiện các biện pháp góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD vì không có cơ sở pháp lý tại Luật NHNN, Luật Bảo hiểm tiền gửi; (ii) góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt vì Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD năm 2017 không còn quy định về việc này.

+ Căn cứ vào thực tế sử dụng Quỹ CSTT thời gian qua, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về mục đích sử dụng Quỹ CSTT tập trung vào việc (i) cấp vốn điều lệ, cấp bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực in, đúc tiền; (ii) xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam; (iii) góp vốn vào các tổ chức quốc tế mà NHNN là đại diện cho Chính phủ Việt Nam và góp vốn vào các doanh nghiệp, tổ chức khác có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia; (iii) tạm ứng để đóng góp vào các tổ chức quốc tế mà NHNN đại diện cho

Chính phủ Việt Nam trong trường hợp NSNN chưa bố trí dự toán.

+ Do mục đích sử dụng Quỹ CSTT đã được thu hẹp, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ giảm mức trích hàng năm từ 20% xuống tối đa bằng 10% chênh lệch thu, chi hàng năm.

- Đối với Quỹ dự phòng tài chính: Bổ sung quy định trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp các tổn thất, thiệt hại, chênh lệch chi lớn hơn thu hàng năm (nếu có), khoản tổn thất và thiếu hụt này sẽ được bù đắp từ quỹ dự phòng tài chính khi NHNN có chênh lệch thu lớn hơn chi vào các năm tiếp theo. Việc quy định như nêu trên nhằm quy định cụ thể khi phát sinh chênh lệch chi lớn hơn thu, NHNN sử dụng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp.

### 3.4. Đánh giá tác động

- *Tác động về kinh tế - xã hội:* Đảm bảo quy định rõ ràng nguyên tắc trích lập, thẩm quyền quyết định sử dụng các quỹ; đảm bảo tính công khai, minh bạch, rõ ràng trong thực thi pháp luật.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt giới.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Chính sách không làm phát sinh các thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp, thống nhất với Luật NHNN, Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

## 4. Về đóng góp vào các tổ chức quốc tế

### 4.1. Nội dung bất cập

Tại Quyết định số 07 quy định NHNN được sử dụng chênh lệch thu, chi hàng năm sau khi trừ phần kinh phí khoán để đóng góp vào các tổ chức quốc tế mà NHNN là đại diện cho Chính phủ Việt Nam (nếu trong năm tài chính có phát sinh).

Thực tế trong thời gian qua, NHNN thực hiện như sau (i) các khoản góp vốn vào các tổ chức quốc tế, đóng phí sử dụng quyền rút vốn đặc biệt của IMF (phí sử dụng đồng SDR)<sup>1</sup>, sử dụng từ chênh lệch thu chi của NHNN, (ii) các

<sup>1</sup> Trả phí sử dụng SDR cho IMF (khoản đóng góp này không cố định, năm 2020 là 31 tỷ đồng, năm 2021 là 10,1 tỷ đồng): Phân bổ SDR là một phương thức để tăng dự trữ quốc tế cho các nước hội viên. Việt Nam có thể duy trì lượng SDR trên tài khoản tại IMF và số dư rỗng của tài khoản này được hưởng lãi hoặc dùng số SDR được phân bổ để trả nợ và thực hiện các giao dịch khác với IMF. Tuy nhiên, Việt Nam sẽ phải trả lãi trên số SDR sử dụng rỗng. Trước năm 2017 thì việc trả phí sử dụng SDR cho IMF được bố trí từ dự toán NSNN. Từ năm 2017 đến nay thì NHNN sử dụng chênh lệch thu chi để trả khoản phí này.

khoản đóng phí thường niên vào một số tổ chức mà Chính phủ cho phép NHNN tham gia (Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo của NHTW các nước Đông Nam Á (SEACEN), APG...) được hạch toán từ chi phí nghiệp vụ của NHNN. Như vậy, việc thực hiện đóng góp vào các tổ chức quốc tế chưa có sự thống nhất, có khoản lấy từ chênh lệch thu chi của NHNN, có khoản lấy từ chi phí của NHNN. Ngoài ra, tại Quyết định số 07 chưa quy định rõ về việc hạch toán cổ tức, lợi nhuận từ việc góp vốn vào tổ chức quốc tế của NHNN.

#### 4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo phản ánh đúng tính chất của khoản chi.

#### 4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bộ quy định NHNN sử dụng chênh lệch thu chi để đóng góp vào các tổ chức quốc tế và sửa đổi theo hướng:

- Đối với khoản đóng phí sử dụng quyền rút vốn đặc biệt của IMF, đóng phí thường niên vào các tổ chức quốc tế thì NSNN bố trí dự toán để NHNN thực hiện để phản ánh đúng tính chất của khoản chi vì đây là khoản chi thuộc nhiệm vụ của Nhà nước; NHNN chỉ là cơ quan đại diện, thay mặt cho Chính phủ Việt Nam tham gia đóng góp. Trường hợp trong năm NHNN phát sinh đột xuất các khoản đóng góp nhưng chưa được bố trí trong dự toán NSNN năm thì NHNN được phép tạm ứng từ Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia để đóng góp; số tạm ứng này sẽ được NSNN bố trí bổ sung trong dự toán NSNN năm tiếp theo.

- Đối với khoản góp vốn vào các tổ chức quốc tế thì NHNN được sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia để thực hiện vì việc tham gia góp vốn vào các tổ chức quốc tế sẽ hỗ trợ quá trình hiện đại hóa hoạt động của NHNN, nâng cao năng lực thống kê, phân tích, dự báo, xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ. Tại dự thảo Nghị định quy định NHNN theo dõi và hạch toán tăng vốn NSNN do NHNN quản lý đối với khoản góp vốn vào các tổ chức quốc tế; cổ tức, lợi nhuận thu được từ việc đóng góp này được nộp về NSNN.

#### 4.4. Đánh giá tác động

- *Tác động về kinh tế - xã hội:* Phù hợp với tính chất của khoản chi đóng góp vào tổ chức quốc tế; thống nhất trong quản lý các khoản đóng góp vào tổ chức quốc tế.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt giới.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Chính sách không làm phát sinh các thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp, thống nhất với Luật

NHNN, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

## **5. Về cơ chế khoán kinh phí hoạt động đối với NHNN**

### **5.1. Nội dung bất cập**

- Tại Điều 14 Quyết định số 07 quy định kinh phí hoạt động quản lý của NHNN bao gồm các khoản chi lương, chi cho con người, chi quản lý công vụ, chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, chi mua sắm công cụ lao động, chi thuê tài sản thực hiện theo cơ chế khoán. Bộ Tài chính xác định, giao khoán ổn định 03 năm, tự chủ cho NHNN.

- Trong thực tế, việc xác định chênh lệch thu, chi của NHNN để giao khoán trong 03 năm gặp nhiều khó khăn, khó bám sát thực tế do diễn biến thị trường quốc tế và trong nước có nhiều biến động, việc điều hành chính sách tiền tệ phải bám sát tình hình thực tế. Do đó, để đảm bảo số giao khoán được chặt chẽ, sát thực tế, Bộ Tài chính đang thực hiện giao khoán kinh phí hoạt động hàng năm cho NHNN.

### **5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Để đảm bảo việc giao khoán đối với NHNN được hiệu quả và sát với thực tế hoạt động của NHNN.

### **5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

Tại dự thảo Nghị định sửa đổi như sau:

- Việc xác định mức khoán kinh phí hoạt động cho bộ máy thực hiện hàng năm.

- Riêng về thẩm quyền: Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định để phù hợp với Luật NSNN (Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) và cũng tương tự như đối với Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXHVN). Hiện nay, theo cơ chế quản lý tài chính của BHXHVN thì BHXHVN tổng hợp dự toán thu, chi của các cơ quan, đơn vị liên quan, trình Hội đồng quản lý BHXHVN thông qua và báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ ngành liên quan xem xét, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao dự toán thu, chi cho BHXHVN. NHNN là cơ quan mang tính chất đặc thù, theo ý kiến của Bộ Tài chính, ngoài chi phí hoạt động nghiệp vụ phát sinh theo yêu cầu thực tế, chi phí quản lý bộ máy (chi phí khoán) cần phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Do đó, đối với NHNN, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi theo hướng Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các khoản chi giao khoán hàng năm cho NHNN.

- Về cơ chế tiền lương: Tiếp tục duy trì như Quyết định số 07, theo đó cán



bộ, công chức NHNN được hưởng tối đa 2,8 lần lương, gồm 01 lần tiền lương, 01 lần từ khoản chi khen thưởng phúc lợi (02 lần lương này được hạch toán vào chi phí của NHNN) và tối đa 0,8 lần lương thực tế chi bổ sung thu nhập; trong đó 0,55 lần lương thực tế được bổ sung từ chênh lệch thu chi của NHNN và 0,25 lần lương thực tế được bổ sung từ nguồn kinh phí tiết kiệm các khoản chi khoán.

Cơ chế này sẽ hết kể từ ngày cơ chế tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp có hiệu lực thi hành.

#### *5.4. Đánh giá tác động*

- *Tác động về kinh tế - xã hội:* Đảm bảo giao khoán hiệu quả, sát với thực tế hoạt động của NHNN.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt giới.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Chính sách không làm phát sinh các thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp, thống nhất với Luật NHNN, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### **6. Về lập kế hoạch tài chính và nộp NSNN**

#### *6.1. Nội dung bất cập*

Theo quy định của Luật NSNN, chênh lệch thu lớn hơn chi của NHNN là khoản thu của NSNN. Theo quy định tại Điều 18 Quyết định 07, kế hoạch thu chi tài chính của NHNN được lập hàng năm, gửi Bộ Tài chính thẩm định và tổng hợp vào dự toán NSNN theo quy định của Luật NSNN. Theo quy định tại Thông tư số 195/2013/TT-BTC ngày 18/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính của NHNN, sau khi Quốc hội phê duyệt dự toán NSNN, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch thu chi và thu nộp NSNN của NHNN.

#### *6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Làm rõ quy trình xây dựng và thẩm quyền quyết định phê duyệt kế hoạch tài chính thu chi của NHNN.

#### *6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

Dự thảo Nghị định quy định NHNN xây dựng kế hoạch tài chính, xác định số chênh lệch thu chi dự kiến nộp ngân sách nhà nước của năm kế hoạch và

báo cáo Thủ tướng Chính phủ; Bộ Tài chính tổng hợp số chênh lệch thu chi dự kiến nộp ngân sách nhà nước vào dự toán thu ngân sách nhà nước hàng năm và báo cáo Chính phủ, Quốc hội phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

#### *6.4. Đánh giá tác động*

- *Tác động về kinh tế - xã hội*: Việc bổ sung quy định đảm bảo cho việc xây dựng dự toán NSNN và phân bổ ngân sách trung ương hàng năm.

- *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt giới.

- *Tác động của thủ tục hành chính*: Chính sách không làm phát sinh các thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp, thống nhất với Luật NHNN, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### **III. Ý kiến tham vấn**

Thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã dự thảo Nghị định và gửi lấy ý kiến các Bộ Tư pháp, các Bộ ngành có liên quan và đăng lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi công chúng.

### **IV. Giám sát và đánh giá**

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành có liên quan về việc xây dựng Nghị định để thực hiện các giải pháp như đã nêu tại Mục II Báo cáo này nhằm tạo khung pháp lý về tài chính cho NHNN thực hiện tốt chức năng của một Ngân hàng Trung ương và chức năng của một Bộ quản lý ngành ngân hàng./.

Số: ...../2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**NGHỊ ĐỊNH**

**VỀ CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,*

**Chương 1**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước), bao gồm: Ngân hàng Nhà nước tại trung ương; các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố; các văn phòng đại diện ở trong nước và ngoài nước.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ngân hàng Nhà nước không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này và thực hiện theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

**Điều 2. Nguyên tắc quản lý tài chính của Ngân hàng Nhà nước**

1. Thu, chi tài chính của Ngân hàng Nhà nước về nguyên tắc thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Chi phí của Ngân hàng Nhà nước được trang trải từ các nguồn thu hợp pháp của Ngân hàng Nhà nước. Chênh lệch thu, chi sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định cụ thể của Nghị định này, số còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Ngân hàng Nhà nước không phải nộp các loại thuế đối với hoạt động

ng nghiệp vụ và dịch vụ ngân hàng.

4. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản thu, chi theo đúng quy định của pháp luật về kế toán. Các khoản thu, chi của Ngân hàng Nhà nước được hạch toán theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản thu, chi bằng ngoại tệ, bằng vàng, phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá quy đổi do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

## **Chương 2**

### **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN**

#### **Điều 3. Vốn, quỹ và tài sản nợ của Ngân hàng Nhà nước**

##### **1. Vốn của Ngân hàng Nhà nước**

a) Vốn pháp định. Mức vốn pháp định của Ngân hàng Nhà nước là 10.000 (mười nghìn) tỷ đồng. Việc thay đổi mức vốn pháp định của Ngân hàng Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Vốn pháp định của Ngân hàng Nhà nước được hình thành từ các nguồn sau:

- Vốn được cấp, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định hiện có được phản ánh trên sổ sách kế toán của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

- Vốn được bổ sung từ: Ngân sách nhà nước cấp (nếu có); khoản trích từ chi phí bằng 12% trên giá trị còn lại của tài sản cố định bình quân hàng năm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định này; chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản cố định được đầu tư, mua sắm từ vốn pháp định theo quy định của pháp luật; nguồn vốn khác (nếu có).

##### **b) Vốn ngân sách nhà nước do Ngân hàng Nhà nước quản lý:**

- Phần chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước đã sử dụng để đóng góp vào các tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt Nam trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

- Phần sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia để góp vốn vào các tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.

##### **c) Vốn khác theo quy định của pháp luật.**

##### **2. Các quỹ và dự phòng**

- a) Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.
- b) Quỹ dự phòng tài chính.
- c) Khoản dự phòng rủi ro!
- d) Quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

### 3. Tài sản nợ của Ngân hàng Nhà nước gồm:

- Tiền phát hành vào lưu thông.
- Tiền gửi của các tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức khác.
- Các khoản nợ nước ngoài.
- Phát hành giấy tờ có giá.
- Tài sản nợ khác.

### **Điều 4. Sử dụng vốn, quỹ và tài sản**

#### 1. Ngân hàng Nhà nước được sử dụng vốn pháp định để:

a) Đầu tư, mua sắm tài sản cố định; đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ cho hoạt động của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

b) Góp vốn thành lập doanh nghiệp đặc thù theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Ngân hàng Nhà nước sử dụng các quỹ và dự phòng theo quy định tại Nghị định này.

3. Ngân hàng Nhà nước sử dụng các tài sản nợ của Ngân hàng Nhà nước để đầu tư, cho vay và thanh toán với các ngân hàng ở nước ngoài theo quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, pháp luật về ngoại hối và để đầu tư, cho vay trong nước theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các pháp luật có liên quan.

4. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng vốn, quỹ và tài sản nợ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Ngân hàng Nhà nước thực hiện hạch toán theo đúng quy định của pháp luật chế độ kế toán hiện hành; phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của vốn và tài sản trong quá trình hoạt động.

### **Điều 5. Đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định từ vốn pháp định**

1. Đối với đầu tư xây dựng cơ bản, dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước, Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng từ nguồn vốn pháp định, Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công áp dụng đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư và pháp luật có liên quan.

3. Đối với đầu tư, mua sắm tài sản, tài sản cố định khác (không lập thành dự án), Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

a) Hàng năm, Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt tổng nguồn vốn được sử dụng để thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

b) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kế hoạch và quyết định việc đầu tư, mua sắm tài sản cố định trên cơ sở tổng nguồn vốn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

#### **Điều 6. Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đặc thù**

1. Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc góp vốn từ vốn pháp định để thành lập doanh nghiệp đặc thù nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Việc quản lý vốn Ngân hàng Nhà nước góp vốn vào các doanh nghiệp đặc thù áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, trừ các quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Cổ tức, lợi nhuận thu được từ việc góp vốn thành lập doanh nghiệp đặc thù được hạch toán vào thu nhập của Ngân hàng Nhà nước.

4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế quản lý người đại diện tại các doanh nghiệp đặc thù do Ngân hàng Nhà nước góp vốn thành lập.

#### **Điều 7. Đóng góp của Ngân hàng Nhà nước vào tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt Nam**

1. Đóng phí sử dụng quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ Tiền tệ Quốc tế ( gọi tắt là phí sử dụng đồng SDR), phí thường niên vào các tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt Nam

a) Ngân sách nhà nước bố trí nguồn cho Ngân hàng Nhà nước thực hiện đóng góp.

b) Căn cứ vào lộ trình đóng góp đã được các tổ chức quốc tế thông qua, Ngân hàng Nhà nước xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước, gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

c) Trường hợp trong năm Ngân hàng Nhà nước phát sinh đột xuất khoản đóng góp vào các tổ chức quốc tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương nhưng chưa được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, Ngân hàng Nhà nước được tạm ứng từ Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia để thực hiện đóng góp. Khoản tạm ứng này được ngân sách bố trí bổ sung trong dự toán ngân sách nhà nước năm tiếp theo.

d) Ngân sách nhà nước cấp dự toán cho Ngân hàng Nhà nước bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá tạm tính tại thời điểm xây dựng dự toán.

- Trường hợp tỷ giá tại thời điểm đóng góp thấp hơn tỷ giá tạm tính khi giao dự toán dẫn đến số tiền thực đóng góp nhỏ hơn số dự toán được giao thì phần chênh lệch được hủy bỏ.

- Trường hợp tỷ giá tại thời điểm đóng góp cao hơn tỷ giá tạm tính khi giao dự toán dẫn đến số tiền thực đóng góp lớn hơn số dự toán được giao thì phần chênh lệch được giảm trừ vào số nợ ngân sách nhà nước từ chênh lệch thu chi của năm đóng góp.

2. Góp vốn (gồm góp vốn lần đầu, góp bổ sung vốn) vào các tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt Nam theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền

a) Ngân hàng Nhà nước được sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia để thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

b) Ngân hàng Nhà nước theo dõi và hạch toán tăng vốn ngân sách nhà nước do Ngân hàng Nhà nước quản lý đối với khoản góp vốn vào các tổ chức quốc tế.

c) Ngân hàng Nhà nước thực hiện nộp ngân sách nhà nước số cổ tức, lợi nhuận thu được từ việc góp vốn vào các tổ chức quốc tế theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi Ngân hàng Nhà nước nhận được cổ tức, lợi nhuận từ các tổ chức quốc tế. Đồng tiền nộp ngân sách nhà nước là ngoại tệ nhận được từ việc góp vốn.

**Điều 8. Kê khai, kiểm kê, đánh giá lại, xử lý tài sản và khấu hao tài sản cố định**

1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện kê khai, kiểm kê, đánh giá lại, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ngân hàng Nhà nước thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp.

## Chương 3

### THU, CHI TÀI CHÍNH

#### **Điều 9. Thu nhập**

1. Các khoản thu của Ngân hàng Nhà nước:

a) Thu từ nghiệp vụ quản lý, đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước, bao gồm:

- Các khoản thu từ nghiệp vụ quản lý, đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước trên thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật ngoại hối, bao gồm: nghiệp vụ gửi, mua, bán ngoại tệ và vàng; mua, bán, nắm giữ chứng khoán, giấy tờ có giá bằng ngoại tệ; ủy thác đầu tư và các hình thức đầu tư khác trên thị trường quốc tế; thực hiện thỏa thuận hoán đổi tiền tệ song phương và đa phương với các Ngân hàng Trung ương và tổ chức tài chính quốc tế.

- Thu từ nghiệp vụ mua, bán và giao dịch ngoại hối trên thị trường trong nước (ngoại tệ và vàng) theo quy định của pháp luật ngoại hối.

b) Thu từ nghiệp vụ cấp tín dụng theo quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước; thu về nghiệp vụ thị trường mở (gồm thu lãi giấy tờ có giá, thu từ nghiệp vụ mua bán các giấy tờ có giá theo quy định trên thị trường tiền tệ trong nước) và thu khác theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn.

c) Thu về dịch vụ thanh toán, thông tin, ngân quỹ và các khoản thu dịch vụ ngân hàng khác theo quy định của pháp luật.

d) Cổ tức, lợi nhuận thu được từ khoản vốn góp từ vốn hoạt động của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

đ) Các khoản thu khác, gồm: thu từ bán phế liệu tiêu hủy tiền; thu hoàn nhập dự phòng rủi ro; thu tiền bị phá hoại và các khoản thu khác theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản hướng dẫn.

2. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập:

a) Các khoản thu từ hoạt động tiền gửi, cấp tín dụng và đầu tư là số lãi phải thu trong kỳ được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Ngân hàng Nhà nước hạch toán vào thu nhập số lãi phải thu trong kỳ của các khoản tiền gửi, đầu tư và các khoản cho vay. Ngân hàng Nhà nước thực hiện phân loại rủi ro đối với các khoản cho vay và có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn của khoản nợ để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu.

- Đối với số lãi phải thu của các khoản cho vay quá hạn hoặc lãi của các khoản cho vay không được Ngân hàng Nhà nước đánh giá thu được đầy đủ gốc và lãi đúng hạn, Ngân hàng Nhà nước theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.



b) Đối với thu nhập từ hoạt động còn lại: Thu nhập là toàn bộ số tiền cung ứng dịch vụ, bán hàng hoá được thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

c) Đối với các khoản thu nhập phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng Nhà nước hạch toán giảm thu nhập (nếu cùng kỳ kế toán) hoặc (hạch toán vào chi phí) nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

d) Các khoản thu của Ngân hàng Nhà nước phát sinh trong kỳ phải có hoá đơn hoặc chứng từ hợp lệ.

## **Điều 10. Chi phí**

1. Các khoản chi của Ngân hàng Nhà nước:

a) Chi hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ ngân hàng

- Chi cho nghiệp vụ quản lý, đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước trên thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật ngoại hối, bao gồm: Các khoản chi cho nghiệp vụ gửi, mua, bán ngoại tệ và vàng; mua bán, nắm giữ chứng khoán, giấy tờ có giá bằng ngoại tệ; ủy thác đầu tư và các hình thức đầu tư khác trên thị trường quốc tế; thực hiện các nghiệp vụ ngoại hối phái sinh; thực hiện thỏa thuận hoán đổi tiền tệ song phương và đa phương với các Ngân hàng Trung ương và tổ chức tài chính quốc tế.

- Chi cho nghiệp vụ mua, bán và giao dịch ngoại hối trên thị trường trong nước (ngoại tệ và vàng) theo quy định của pháp luật ngoại hối.

- Chi trả lãi tiền gửi, trả lãi tiền vay, trả lãi giấy tờ có giá do Ngân hàng Nhà nước phát hành.

- Chi về nghiệp vụ thị trường mở.

- Chi phí in, đúc, bảo quản, bảo vệ, vận chuyển, giao nhận, phát hành, tuyển chọn, kiểm đếm, thu hồi, thay thế và tiêu hủy tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá. Các định mức chi cho công tác tiêu hủy tiền gồm chi bồi dưỡng cho cán bộ tham gia công tác tiêu hủy, chi vật liệu, công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế cho công tác tiêu hủy do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định và được quy định tại quy chế tài chính nội bộ của Ngân hàng Nhà nước.

- Chi khác về hoạt động nghiệp vụ, gồm: chi cho hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp đặc thù (không bao gồm phần vốn góp), chi cho nghiệp vụ ủy thác của Ngân hàng Nhà nước; chi về dịch vụ thanh toán và thông tin; chi cho các hoạt động phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; chi cho các hoạt động nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản chi thực hiện theo cơ chế khoán kinh phí, gồm:

- Chi cho cán bộ, công chức, nhân viên hợp đồng của Ngân hàng Nhà

nước, gồm: Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng, phụ cấp; các khoản chi để đóng góp theo lương: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, kinh phí công đoàn theo chế độ quy định hiện hành đối với cơ quan quản lý Nhà nước; chi ăn trưa, mức chi hàng tháng cho mỗi cán bộ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định nhưng không vượt quá mức lương cơ sở quy định đối với công chức nhà nước; chi phương tiện bảo hộ lao động áp dụng đối với các đối tượng được trang cấp bảo hộ lao động theo chế độ hiện hành của Nhà nước, mức chi do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định; chi trang phục cho cán bộ, công chức thuộc thanh tra, giám sát ngành ngân hàng theo quy định của Nhà nước về chi trang phục cho cán bộ, thanh tra viên, công chức, viên chức thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước; chi khen thưởng, phúc lợi định kỳ và đột xuất cho cán bộ, công chức, nhân viên của Ngân hàng Nhà nước, mức chi 02 (hai) khoản này hàng năm bằng tổng quỹ lương thực hiện trong năm không bao gồm phụ cấp công vụ, các khoản chi khen thưởng bao gồm: chi khen thưởng theo chế độ Nhà nước quy định và chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; chi trợ cấp khó khăn, trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật.

- Chi cho hoạt động quản lý và công vụ bao gồm: Chi về vật liệu, giấy tờ in; công tác phí; chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ; chi nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; chi thưởng sáng kiến, cải tiến; chi bưu phí và điện thoại; chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo; chi mua tài liệu, sách báo; chi về các hoạt động đoàn thể; chi điện, nước, y tế, vệ sinh cơ quan; chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết; chi phí cho việc thanh tra, kiểm toán hoạt động của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật; chi phòng cháy chữa cháy và các khoản chi khác.

- Chi bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên các công trình, cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; chi mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức.

c) Các khoản chi không thực hiện theo cơ chế khoán kinh phí

- Chi về tài sản, gồm: Trích khấu hao tài sản cố định; chi thuê tài sản; chi về xử lý tài sản.

- Trích 12% giá trị còn lại của tài sản cố định bình quân trong năm để bổ sung vốn pháp định. Khoản chi này được thực hiện cho tới khi Ngân hàng Nhà nước có đủ mức vốn pháp định theo quy định tại Nghị định này.

- Các khoản đóng góp vào các tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước tham gia, trừ các khoản đóng góp vào tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt Nam được quy định tại Điều 7 Nghị định này.

- Chi thực hiện công tác quyết toán năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định về đối tượng và mức chi.

- Chi trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Điều 12 của Nghị định

này.

- Các khoản chi đã hạch toán thu nhập nhưng không thể thu được.
- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí của Ngân hàng Nhà nước là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Nhà nước; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật.

a) Các khoản chi nghiệp vụ, Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản có liên quan. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm về việc quyết định các khoản chi này.

b) Các khoản chi cho bộ máy quản lý, Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức chi quy định đối với cơ quan quản lý Nhà nước. Khoản chi lương cho cán bộ công chức, Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Ngân hàng Nhà nước không được hạch toán vào chi phí các khoản sau đây:

a) Các khoản tiền phạt phải nộp Nhà nước hoặc phải trả cho khách hàng về những thiệt hại vật chất do nguyên nhân chủ quan Ngân hàng Nhà nước gây ra trong quá trình thực hiện nghiệp vụ ngân hàng.

b) Các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính mà cá nhân phải nộp phạt theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản chi ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác;

d) Các khoản chi không liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Nhà nước;

đ) Các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ;

e) Các khoản chi không hợp lý, hợp lệ khác.

**Điều 11. Cơ chế khoán kinh phí hoạt động đối với Ngân hàng Nhà nước**

1. Các khoản chi thực hiện theo cơ chế khoán kinh phí của Ngân hàng Nhà nước được xác định trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện của năm trước liền kề, số biên chế định biên của Ngân hàng Nhà nước, các định mức chi tiêu hiện hành của Nhà nước, mức giao khoán của năm trước liền kề, các nhiệm vụ mới phát sinh, các khoản chi đột xuất (nếu có).

2. Trên cơ sở nhiệm vụ ngân hàng và các chủ trương, chính sách của Nhà nước có liên quan, Ngân hàng Nhà nước dự kiến và lập kế hoạch tài chính, trong đó bao gồm kế hoạch chi tiết về phương án khoán kinh phí hoạt động gửi Bộ Tài chính để Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

Trong thời gian chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án khoán kinh phí hoạt động, Ngân hàng Nhà nước được tạm chi cho các nhiệm vụ không thể trì hoãn được cho đến khi phương án khoán kinh phí hoạt động được phê duyệt, gồm: chi lương và các khoản có tính chất tiền lương cho cán bộ, công chức, nhân viên hợp đồng của Ngân hàng Nhà nước; chi cho hoạt động quản lý và công vụ.

3. Ngân hàng Nhà nước được bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống Ngân hàng Nhà nước. Mức bổ sung thu nhập tối đa 0,8 lần lương thực tế, phụ cấp lương thực tế thực hiện trong năm, không bao gồm phụ cấp công vụ. Nguồn kinh phí để bổ sung thu nhập từ kinh phí được trích từ chênh lệch thu chi và phần kinh phí tiết kiệm do thực hiện khoán kinh phí hoạt động. Trong đó mức bổ sung từ chênh lệch thu chi là 0,55 lần lương thực tế, phần còn lại được phân bổ bổ sung từ nguồn kinh phí tiết kiệm do thực hiện kinh phí khoán.

Trường hợp Ngân hàng Nhà nước phát sinh chi lớn hơn thu hoặc chênh lệch thu chi không đủ để trích bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức thì Ngân hàng Nhà nước sử dụng kinh phí tiết kiệm từ kinh phí khoán và Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức.

4. Ngân hàng Nhà nước được sử dụng kinh phí tiết kiệm khoán để chi cho cán bộ công đoàn ngành Ngân hàng Việt Nam để đảm bảo quyền lợi và phúc lợi tập thể theo quy định của Luật Công đoàn trên cơ sở thống nhất của cán bộ, công chức, nhân viên của Ngân hàng Nhà nước. Khoản chi này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày thực hiện cơ chế tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

5. Ngân hàng Nhà nước được trích bổ sung Quỹ dự phòng ổn định thu nhập từ chênh lệch thu chi trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước hoàn thành chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước được giao. Mức trích đảm bảo số dư của quỹ tối đa không quá 03 (ba) tháng lương thực hiện.

Quỹ dự phòng ổn định thu nhập được sử dụng để chi đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp kinh phí tiết kiệm từ kinh phí khoán và kinh phí được trích từ chênh lệch thu chi trong năm không đủ để đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức và nhân viên hợp đồng của Ngân hàng Nhà nước. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy chế nội bộ về quản lý, sử dụng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

6. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc phân phối thu nhập theo kết quả, chất lượng hoàn thành công việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo nguyên tắc công bằng, hợp lý, gắn với thu nhập và hiệu quả công việc theo quy định của pháp luật.

7. Các khoản chi bổ sung thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức của Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày thực hiện cơ chế tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

#### **Chương 4**

### **TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG RỦI RO, XỬ LÝ TỖN THẤT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

#### **Điều 12. Trích lập dự phòng rủi ro**

1. Phân loại tài sản có rủi ro, xác định số dự phòng rủi ro cần phải trích lập

a) Đối với các khoản gửi tiền, vàng tại nước ngoài và các khoản cho vay (không bao gồm khoản cho vay, tạm ứng đối với ngân sách nhà nước): Ngân hàng Nhà nước thực hiện phân loại nợ, xác định số dự phòng rủi ro cần phải trích lập theo quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động áp dụng đối với các tổ chức tín dụng.

b) Đối với các khoản phải thu khó đòi của tổ chức, cá nhân: Ngân hàng Nhà nước thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro áp dụng theo quy định về trích lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi tại doanh nghiệp.

c) Đối với các khoản các khoản thanh toán với Nhà nước: Ngân hàng Nhà nước xác định số phải trích lập dự phòng rủi ro bằng 5% tổng các khoản phải thanh toán với Nhà nước theo quy định của cấp có thẩm quyền (nếu có).

2. Nguyên tắc trích lập, hạch toán khoản dự phòng rủi ro

a) Ngân hàng Nhà nước được lập khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng Nhà nước và hạch toán vào chi phí bằng 10% chênh lệch thu chi chưa bao gồm khoản chi dự phòng rủi ro nhưng phải đảm bảo số dư khoản dự phòng rủi ro sau thời điểm trích lập không vượt quá số phải trích lập dự phòng rủi ro được xác định tại khoản 1 Điều này.

b) Việc trích lập và hạch toán số dự phòng rủi ro được trích lập trong năm tài chính của Ngân hàng Nhà nước được thực hiện tập trung tại Ngân hàng Nhà nước tại trung ương.

c) Khoản dự phòng rủi ro chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau sử dụng tiếp.

d) Trường hợp số dự phòng rủi ro cần phải trích lập nhỏ hơn số dư dự phòng rủi ro trước thời điểm trích lập, Ngân hàng Nhà nước thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập của Ngân hàng Nhà nước.

3. Thời điểm xác định và hạch toán dự phòng rủi ro là thời điểm cuối kỳ kế toán năm (cuối ngày 31 tháng 12 hàng năm).

4. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy chế nội bộ về phân loại tài sản có rủi ro, xác định số dự phòng rủi ro cần phải trích lập.

### **Điều 13. Xử lý tổn thất trong hoạt động của Ngân hàng Nhà nước**

#### 1. Nguyên tắc xử lý tổn thất:

Tổn thất trong hoạt động Ngân hàng Nhà nước phải được Hội đồng xử lý tổn thất do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thành lập xác định. Hội đồng xử lý tổn thất lập biên bản xác định rõ nguyên nhân, mức độ tổn thất, trách nhiệm và báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định xử lý theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

c) Xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

d) Giá trị tổn thất sau khi bù đắp bằng các nguồn quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này và đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nhưng không thu hồi được thì được bù đắp từ khoản dự phòng rủi ro được trích lập từ chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều này; phần còn lại được bù đắp từ Quỹ dự phòng tài chính.

2. Các khoản tổn thất của Ngân hàng Nhà nước được sử dụng dự phòng rủi ro để bù đắp bao gồm:

a) Các khoản tổn thất phát sinh từ hoạt động gửi tiền, vàng tại ngân hàng nước ngoài và hoạt động cho vay đối với các tổ chức chức tín dụng. Sau thời gian tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày xác định tổn thất, sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nhưng không thu hồi được, Ngân hàng Nhà nước được sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý tổn thất.

b) Xử lý các khoản thanh toán với Nhà nước theo phê duyệt của của cấp có thẩm quyền (nếu có).

c) Các khoản phải thu không thu hồi được trong quá trình hoạt động của Ngân hàng Nhà nước mà có bằng chứng xác định đối tượng phải thu là tổ chức đã phá sản; đối tượng phải thu là cá nhân đã chết; khoản nợ đã yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng phải thu mất tích, vắng mặt tại nơi cư trú. Việc xác định cá nhân vắng mặt tại nơi cư trú, tuyên bố mất tích, chết thực hiện theo quy định tại Điều 64, Điều 68, Điều 71 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

### 3. Thẩm quyền xử lý tổn thất bằng khoản dự phòng rủi ro

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép sử dụng khoản dự phòng rủi ro để xử lý các khoản thanh toán với Nhà nước trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Nhà nước và ý kiến tham gia của các Bộ, ngành có liên quan.

b) Đối với các khoản tổn thất còn lại trong hoạt động của Ngân hàng Nhà nước, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định sử dụng khoản dự phòng rủi ro để xử lý trên cơ sở đề nghị của Hội đồng xử lý tổn thất sau khi đã bù đắp từ các nguồn theo quy định.

### 4. Trình tự xử lý các khoản tổn thất

a) Khi xảy ra tổn thất, Ngân hàng Nhà nước phải tổng hợp các hồ sơ, tài liệu chứng minh việc tổn thất; thành lập Hội đồng xử lý tổn thất.

b) Hội đồng xử lý tổn thất đề xuất phương án xử lý đối với từng khoản tổn thất cụ thể theo quy định tại Điều này.

c) Đối với các khoản tổn thất thuộc thẩm quyền quyết định xử lý bằng dự phòng rủi ro của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này: Trên cơ sở phương án đề xuất của Hội đồng xử lý tổn thất, Ngân hàng Nhà nước lấy ý kiến của Bộ Tài chính, các Bộ ngành có liên quan để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý tổn thất.

d) Đối với các khoản tổn thất còn lại: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trên cơ sở phương án đề xuất của Hội đồng xử lý tổn thất.

### 5. Hội đồng xử lý tổn thất

a) Hội đồng xử lý tổn thất do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết thành lập, gồm 01 Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước làm Chủ tịch hội đồng, thành viên Hội đồng là đại diện các Vụ, Cục chức năng của Ngân hàng Nhà nước.

b) Hội đồng xử lý tổn thất có nhiệm vụ:

- Lập biên bản xác định rõ nguyên nhân gây ra tổn thất, mức độ tổn thất, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

- Phân tích, đánh giá, đề xuất phương án xử lý để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định xử lý đối với từng khoản tổn thất cụ thể, hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với những khoản tổn thất thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Kiểm tra việc thực hiện xử lý các khoản tổn thất trong hoạt động của Ngân hàng Nhà nước sau khi đã có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao liên quan để xử lý tổn thất.

6. Hồ sơ pháp lý làm căn cứ xử lý các khoản tổn thất

a) Tờ trình và Biên bản của Hội đồng xử lý tổn thất.

b) Hồ sơ, tài liệu có liên quan đến các tài sản bị tổn thất trong hoạt động của Ngân hàng Nhà nước cần xử lý, tài liệu chứng minh các tổn thất đã xảy ra.

c) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến: việc bồi thường của bảo hiểm; việc-bồi thường của tổ chức/cá nhân gây ra tổn thất và việc thực hiện các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ (nếu có).

d) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ngân hàng Nhà nước; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng khoản dự phòng rủi ro để xử lý đối với các khoản tổn thất thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

đ) Hồ sơ pháp lý có thể bao gồm các bằng chứng bằng văn bản khác, nếu bằng chứng đó có thể chứng minh được hoặc làm rõ hơn về mức độ tổn thất của tài sản.

## Chương 5

### PHÂN PHỐI CHÊNH LỆCH THU CHI

#### **Điều 14. Chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước**

Chênh lệch thu, chi hàng năm của Ngân hàng Nhà nước sau khi trừ phần kinh phí bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và phần được trích Quỹ dự phòng ổn định thu nhập, Ngân hàng Nhà nước được xử lý như sau:

1. Trích lập quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia: Mức trích bằng 10% chênh lệch thu, chi hàng năm. Số dư thực có của Quỹ không được vượt quá 01 (một) lần mức vốn pháp định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Trích lập quỹ dự phòng tài chính: Mức trích bằng 10% chênh lệch thu, chi hàng năm. Mức tối đa của quỹ không vượt quá 25% vốn pháp định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Số còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Hàng quý, căn cứ kết quả hoạt động của quý, Ngân hàng Nhà nước thực hiện tạm nộp vào ngân sách nhà nước phần chênh lệch thu chi còn lại sau khi tạm xác định khoản dự phòng rủi ro phải trích theo tỷ lệ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 và trích lập các quỹ theo tỷ lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này chậm nhất vào ngày thứ 20 (hai mươi) của quý liền sau quý phát sinh nghĩa vụ nộp chênh lệch thu chi. Trong trường hợp cần thiết, để đảm bảo thực hiện dự toán của năm, Bộ Tài chính đề nghị Ngân hàng Nhà nước tạm nộp ngân sách nhà nước cao hơn mức tạm nộp phát sinh của ba (03) quý năm thực hiện trên cơ sở đảm bảo số tạm nộp trong năm không vượt quá dự toán nộp ngân sách nhà nước được giao trong năm và không vượt quá chênh lệch thu chi dự kiến



nộp cả năm.

5. Kết thúc năm tài chính, căn cứ số liệu của báo cáo quyết toán tài chính năm đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, trường hợp số phải nộp ngân sách nhà nước lớn hơn số đã tạm nộp trong năm, Ngân hàng Nhà nước thực hiện nộp tiếp phần chênh lệch này vào ngân sách nhà nước chậm nhất vào ngày thứ 90 (chín mươi), kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp số đã tạm nộp ngân sách nhà nước trong năm lớn hơn số phải nộp thì Ngân hàng Nhà nước được giảm trừ vào số phải nộp của kỳ tiếp theo.

### **Điều 15. Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia**

1. Nguyên tắc quản lý và sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia

a) Ngân hàng Nhà nước quản lý, sử dụng, hạch toán, theo dõi Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia đảm bảo chặt chẽ, an toàn, minh bạch, đúng mục đích và hiệu quả.

b) Số dư Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia chưa sử dụng hết trong năm được tiếp tục sử dụng trong các năm tiếp theo.

2. Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia được sử dụng để:

a) Cấp vốn điều lệ, cấp bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực: in, đúc tiền; xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

b) Góp vốn vào các tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt Nam theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền; các doanh nghiệp, tổ chức khác có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

c) Tạm ứng để thực hiện đóng phí sử dụng đồng SDR, phí thường niên góp vào các tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt Nam đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm cho Ngân hàng Nhà nước.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia cho các mục đích quy định tại khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Nhà nước.

4. Trình tự, thủ tục sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia

a) Ngân hàng Nhà nước chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ ngành có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

b) Ngân hàng Nhà nước sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia để cấp vốn điều lệ, cấp bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp, góp vốn vào các tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt

Nam và góp vốn vào các doanh nghiệp, tổ chức khác sau khi có quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

5. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy chế nội bộ về quản lý và sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ.

6. Hàng năm, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình trích lập và sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

### **Điều 16. Quỹ dự phòng tài chính**

1. Quỹ dự phòng tài chính được sử dụng:

a) Bù đắp khoản chênh lệch chi lớn hơn thu hàng năm (nếu có). Trường hợp Quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì khoản thiếu hụt này sẽ được bù đắp từ Quỹ dự phòng tài chính khi Ngân hàng Nhà nước có chênh lệch thu lớn hơn chi vào các năm tiếp theo. Ngân hàng Nhà nước báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định trước khi sử dụng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp chênh lệch thu chi âm.

b) Bù đắp tổn thất về tài sản xảy ra trong quá trình hoạt động theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy chế nội bộ về quản lý, sử dụng Quỹ dự phòng tài chính và quyết định việc sử dụng Quỹ dự phòng tài chính.

3. Hàng năm, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình trích lập và sử dụng Quỹ dự phòng tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

## **Chương 6**

### **KẾ HOẠCH VÀ BÁO CÁO THU, CHI TÀI CHÍNH**

#### **Điều 17. Kế hoạch tài chính**

1. Năm tài chính của Ngân hàng Nhà nước bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Kế hoạch tài chính

a) Ngân hàng Nhà nước lập kế hoạch tài chính từng năm, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính của năm thực hiện, bao gồm: thu nhập - chi phí, tình hình trích lập và sử dụng khoản dự phòng rủi ro, quỹ thực hiện chính sách tiền tệ, quỹ dự phòng tài chính, số nợ ngân sách nhà nước trong năm và tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước; xây dựng cơ

bàn và mua sắm tài sản cố định của năm thực hiện. Chi tiết theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này.

- Kế hoạch tài chính của năm kế hoạch, bao gồm: Kế hoạch thu nhập - chi phí của năm kế hoạch (kèm theo thuyết minh chi tiết về các mục thu - chi và các định mức chi tiêu, dự kiến trích lập và sử dụng khoản dự phòng rủi ro, quỹ thực hiện chính sách tiền tệ, quỹ dự phòng tài chính, số nộp ngân sách nhà nước dự kiến cho năm kế hoạch). Chi tiết theo quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này.

- Kế hoạch mua sắm tài sản cố định (không lập dự án) theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này. Chi tiết theo quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này.

- Kế hoạch đóng phí sử dụng đồng SDR, phí thường niên vào các tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt Nam (gửi kèm theo tài liệu chứng minh về kế hoạch đóng góp vào các tổ chức quốc tế, trong đó thể hiện rõ số tiền và thời hạn phải đóng góp).

b) Hàng năm, cùng thời gian quy định về lập dự toán ngân sách nhà nước, Ngân hàng Nhà nước xây dựng và gửi Bộ Tài chính kế hoạch thu chi tài chính, xác định số chênh lệch thu chi dự kiến nộp ngân sách nhà nước của năm kế hoạch; Bộ Tài chính tổng hợp số chênh lệch thu chi dự kiến nộp ngân sách nhà nước và số tiền đóng phí sử dụng đồng SDR, phí thường niên vào các tổ chức quốc tế (nếu có) vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, báo cáo Chính phủ, Quốc hội phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

c) Trên cơ sở dự toán Quốc hội phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quyết định dự toán nộp ngân sách nhà nước từ chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước và dự toán chi đóng phí sử dụng đồng SDR, phí thường niên vào các tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt Nam (nếu có).

d) Trước ngày 31 tháng 3 của năm kế hoạch, Ngân hàng Nhà nước xây dựng kế hoạch thu nhập - chi phí của năm kế hoạch, trong đó bao gồm phương án khoán kinh phí hoạt động và kế hoạch mua sắm tài sản cố định gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

đ) Trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng mức khoán kinh phí hoạt động và tổng nguồn vốn được sử dụng để thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản cố định trong năm kế hoạch của Ngân hàng Nhà nước.

## **Điều 18. Chế độ báo cáo**

1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện quyết toán tài chính và chấp hành đầy đủ các quy định về việc lập và gửi báo cáo tài chính và các báo cáo khác cho Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và quy định cụ thể tại

Nghị định này.

2. Báo cáo tài chính năm của Ngân hàng Nhà nước phải được cơ quan Kiểm toán Nhà nước kiểm toán và xác nhận.

3. Báo cáo tài chính gửi Bộ Tài chính bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính (Bảng cân đối kế toán); Báo cáo kết quả hoạt động; Thuyết minh báo cáo tài chính.

4. Báo cáo khác gửi Bộ Tài chính bao gồm: Báo cáo thực hiện kế hoạch thu nhập - chi phí; Thuyết minh báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thu nhập - chi phí; Báo cáo tình hình trích lập và sử dụng Dự trữ ngoại hối nhà nước, quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, quỹ dự phòng tài chính và khoản dự phòng rủi ro.

5. Thời hạn gửi báo cáo tài chính và báo cáo khác:

a) Thời hạn gửi báo cáo năm: Chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) Thời hạn gửi báo cáo quý: Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

6. Phương thức gửi báo cáo Báo cáo tài chính thực hiện dưới hình thức văn bản giấy theo một trong các phương thức sau:

a) Gửi trực tiếp;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

## Chương 7

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 19. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước**

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lập kế hoạch; triển khai thực hiện kế hoạch thu, chi tài chính, kế hoạch mua sắm tài sản, tài sản cố định và thực hiện các quy định về quản lý tài chính quy định tại Nghị định này.

2. Quản lý an toàn, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả các nguồn vốn và tài sản được Nhà nước giao quản lý và sử dụng.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm ban hành

a) Quy chế quản lý tài chính nội bộ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

b) Quy chế quản lý người đại diện tại các doanh nghiệp đặc thù do Ngân hàng Nhà nước góp vốn thành lập theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

c) Quy chế nội bộ về quản lý và sử dụng khoản dự phòng rủi ro, Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia và Quỹ dự phòng tài chính theo quy định tại Điều 12, Điều 15, Điều 16 Nghị định này.

### **Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Ban hành Quyết định giao dự toán thu từ chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước và dự toán chi đóng phí sử dụng đồng SDR, phí thường niên vào các tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt Nam (nếu có) trên cơ sở dự toán được Quốc hội phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định phê duyệt tổng mức khoán kinh phí hoạt động và tổng nguồn vốn mua sắm tài sản cố định hàng năm của Ngân hàng Nhà nước.

3. Thực hiện thanh tra tài chính theo quy định của pháp luật thanh tra.

4. Xử lý các vướng mắc phát sinh (nếu có) theo thẩm quyền; trình Chính phủ bổ sung, sửa đổi chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.

### **Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Số dư của khoản dự phòng rủi ro, Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ dự phòng ổn định thu nhập được trích lập từ trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành được chuyển thành số dư đầu kỳ của khoản dự phòng rủi ro, Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để tiếp tục sử dụng theo quy định.

2. Đối với các khoản đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng từ Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa chi, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được phê duyệt.

3. Đối với các khoản sử dụng chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước để đóng góp vào các tổ chức quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là đại diện cho Chính phủ Việt Nam trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước hạch toán tăng vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

4. Đối với các khoản hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ngân hàng Nhà nước, từ năm 2023 được bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

### **Điều 22. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ....tháng....năm 2022.

2. Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ

tướng Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Thông đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ tướng cơ quan thuộc Chính phủ, chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Lưu....

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

**BÁO CÁO**

**DÀNỊ GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THU CHI TÀI CHÍNH NĂM ...**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chi tiêu	Thực hiện năm ..... (n-1)	Kế hoạch NHNN đề nghị năm...(n)	Thực hiện năm .....(n)	Tỷ lệ thực hiện		Chênh lệch		Diễn giải nguyên nhân tác động	
				so với năm .... (n-1)	so với KH	so với năm .... (n-1)	so với KH		
1	2	3	4	5=4/2	6=4/3	7=4-2	8=4-3	9	
<b>A. PHẦN THU NHẬP</b>									
<b>I. Thu về nghiệp vụ tiền gửi tiền vay</b>									
<b>1. Thu lãi cho vay</b>									
Thu lãi cho vay trong nước									
Thu khác									
<b>2. Thu về nghiệp vụ tiền gửi tiền vay trên thị trường quốc tế</b>									
Thu lãi tiền gửi									
Thu lãi cho vay									
Thu khác									
<b>3. Thu về nghiệp vụ đầu tư chứng khoán</b>									
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán									
Thu về mua bán chứng khoán									
<b>II. Thu về NV thị trường mở</b>									
Thu lãi giấy tờ có giá									
Thu về mua bán giấy tờ có giá									
Thu khác									
<b>III. Thu về hoạt động ngoại hối</b>									









E. Chênh lệch thu chi sau khi trích dự phòng rủi ro (E=A-B)																				
1. Bổ sung kinh phí khoán																				
2. Quỹ thực hiện CSTT																				
2.1. Trích Quỹ thực hiện CSTT																				
2.2. Sử dụng quỹ CSTT																				
3. Quỹ dự phòng tài chính																				
3.1. Trích quỹ dự phòng tài chính																				
3.2. Sử dụng quỹ dự phòng tài chính																				
F. CHÉNH LỆCH THU CHI CÒN LẠI (F=E-E1-E2-E3-E4)																				
Số phải nộp NSNN																				
Số đã nộp																				

..... ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	Thực hiện năm ....Năm trước	Dự kiến kế hoạch năm (năm kế hoạch)		Thuyết minh chi tiết
		Thực hiện từ ngày 01/01 đến ....	Ước thực hiện cả năm	
1	2	3	4	5
<b>A. PHẦN THU NHẬP</b>				
<b>I. Thu về nghiệp vụ tiền gửi tiền vay</b>				
1. Thu lãi cho vay				
Thu lãi cho vay trong nước				
Thu khác				
<b>2. Thu về nghiệp vụ tiền gửi tiền vay trên thị trường quốc tế</b>				
Thu lãi tiền gửi				
Thu lãi cho vay				
Thu khác				
<b>3. Thu về nghiệp vụ đầu tư chứng khoán</b>				
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán				
Thu về mua bán chứng khoán				
<b>II. Thu về NV thị trường mở</b>				
Thu lãi giấy tờ có giá				
Thu về mua bán giấy tờ có giá				
Thu khác				
<b>III. Thu về hoạt động ngoại hối</b>				

Thu về mua bán vàng					
Thu về mua bán ngoại tệ					
Thu khác về giao dịch ngoại hối					
<b>IV. Thu về dịch vụ Ngân hàng</b>					
Thu dịch vụ thanh toán					
Thu dịch vụ ngân quỹ					
Thu dịch vụ khác					
<b>V. Thu về hoạt động của các đơn vị sự nghiệp</b>					
<b>V. Các khoản thu khác</b>					
Thu từ tiêu hủy tiền					
Thu về cấp phép hoạt động					
Thu về thanh lý tài sản					
Thu từ hoàn nhập dự phòng					
Thu từ góp vốn vào doanh nghiệp					
Thu khác					
<b>B. PHÂN CHI PHÍ</b>					
<b>I. Chi về hoạt động nghiệp vụ</b>					
<i>1. Chi về nghiệp vụ tiền gửi, tiền vay tổ chức tín dụng trong nước</i>					
Chi trả lãi tiền gửi					
Chi trả lãi tin phiếu NHNN phát hành					
Chi khác					
<b>2. Chi về hoạt động ngoại hối</b>					
Chi về mua bán vàng					
Chi về mua bán ngoại tệ					
Chi khác về giao dịch ngoại hối					
<b>3. Chi cho các hoạt động nghiệp vụ khác</b>					
Chi cho các hoạt động phòng, chống rửa tiền					
Chi về dịch vụ thanh toán, thông tin					

Chi về mua bán chứng khoán					
Chi hoạt động nghiệp vụ khác					
<b>II. Chi phí in, đúc, bảo quản, bảo vệ, vận chuyển, giao nhận, phát hành, thu hồi, thay thế và tiêu hủy tiền</b>					
Chi phí in, đúc tiền, giấy tờ có giá					
Chi phí tuyển chọn, bảo quản, vận chuyển, tiêu hủy tiền, giấy tờ có giá					
<b>III. Các khoản chi thực hiện theo cơ chế khoán</b>					
<b>a. Kinh phí thường xuyên</b>					
<b>1. Chi cho cán bộ, công chức và nhân viên</b>					
Lương và phụ cấp					
Phụ cấp công vụ					
Các khoản chi đề đóng góp theo lương					
Chi khen thưởng, phúc lợi					
Chi trợ cấp					
Chi công tác xã hội					
<b>2. Chi hỗ trợ hoạt động Đoàn thể</b>					
<b>3. Chi cho hoạt động quản lý và công vụ</b>					
<b>4. Chi về tài sản</b>					
Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản					
Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ					
<b>5. Chi khác</b>					
b. Các khoản chi thực hiện theo chi định					
<b>IV. Chi ngoài kinh phí khoán</b>					
Chi thuê tài sản					
Khấu hao cơ bản tài sản cố định					

Chi về thanh lý tài sản					
Khen thưởng ngoài ngành					
V.Thoái thu lãi phải thu không đúng niên độ					
VI. Chi đầu tư phát triển kỹ thuật nghiệp vụ và công nghệ ngân hàng					
C. Tổng chi chưa trích lập dự phòng rủi ro					
D. Chênh lệch thu chi trước dự phòng rủi ro (D=A-C)					
Chi trích lập khoản dự phòng rủi ro					
E. Chênh lệch thu chi sau khi trích dự phòng rủi ro (E=A-B)					
1. Bổ sung kinh phí khoán					
2.Quỹ thực hiện CSTT					
2.1.Trích Quỹ thực hiện CSTT					
2.2. Sử dụng quỹ CSTT					
3. Quỹ dự phòng tài chính					
3.1.Trích quỹ dự phòng tài chính					
3.2. Sử dụng quỹ dự phòng tài chính					
F. CHÉNH LỆCH THU CHI CÒN LẠI (F=E-e1-e2-e3)					

....., ngày... tháng... năm...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

**KẾ HOẠCH MUA SẮM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (không theo hình thức lập dự án) TỪ VỐN PHÁP ĐỊNH CỦA NHNN**

Năm.....

ST T	Danh mục mua sắm	Thực hiện năm ..... (năm trước)		Dự kiến năm ..... (năm kế hoạch)		Ghi chú
		Tài sản/gói thầu	Số tiền (triệu đồng)	Tài sản/gói thầu	Số tiền (triệu đồng)	
1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ</b>					
1	Mua sắm thiết bị tin học					
2	Mua sắm thiết bị an toàn kho quỹ					
3	Mua sắm tài sản cố định khác					
4	Dự phòng					



**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH**

Về dự thảo Nghị định của Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thay thế Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ

Ngày 17/11/2021, Bộ Tài chính đã có công văn số 13113/BTC-TCNH gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thay thế Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Dự thảo Nghị định đã được sự tham gia góp ý của các Bộ, ngành như Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Bộ Nội vụ. Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Bộ Tài chính tổng hợp như sau:

1. Về cơ bản các cơ quan đều nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định. Đối với các ý kiến tham gia mang tính chất câu chữ cho rõ nghĩa hoặc cho thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định. Bên cạnh đó còn một số nội dung các cơ quan đã có ý kiến đóng góp cụ thể.
2. Các ý kiến tham gia cụ thể:

TT	Nội dung vấn đề	Cơ quan tham gia ý kiến	Quy định tại dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến	Ý kiến của các Bộ, ngành	Ý kiến của Bộ Tài chính
1	Về nguyên tắc quản lý tài chính của NHNN	Bộ Tư pháp		Đề nghị làm rõ việc đề xuất các nguyên tắc quản lý tài chính của NHNN thực hiện tương tự như đối với cơ quan quản lý Nhà nước có đảm bảo đạt được mục tiêu đặt ra đối với NHNN khi đồng thời đóng hai vai trò vừa là NHTW và	- Theo Luật NHNN (Điều 2) thì NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là Ngân hàng trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, hoạt động của NHNN cũng mang tính đặc thù. - Nguyên tắc xây dựng Nghị định tuân thủ các quy định của Luật

			<p>vừa là cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng; qua đó cần nhắc quy định cho phù hợp với hoạt động nghiệp vụ đặc thù của NHNN theo quy định tại Điều 43 Luật NHNN năm 2010.</p>	<p>NHNN, Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan. Vì vậy tại dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể các khoản thu, chi liên quan đến hoạt động nghiệp vụ đặc thù của NHNN (với vai trò là NHTW) thì thực hiện theo quy định của Luật NHNN, Luật các TCTD. Riêng đối với các khoản chi đầu tư, mua sắm TSCD và chi thường xuyên phục vụ bộ máy quản lý thì tuân thủ theo quy định của Luật NSNN và các pháp luật có liên quan, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với các khoản chi đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ bộ máy sẽ thực hiện tương tự như đối với cơ quan quản lý Nhà nước, phải tuân thủ theo pháp luật liên quan (Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đầu tư...).</li> <li>+ Đối với chi thường xuyên cho bộ máy phải xây dựng kế hoạch tài chính theo định mức chi tiêu của Nhà nước và được Thủ tướng Chính phủ quyết định.</li> <li>+ Theo Luật NSNN thì chênh lệch thu chi của NHNN được là khoản thu của NSNN, do đó được giao dự toán số nợ NSNN theo quy định của Luật NSNN.</li> </ul>
	NHNN		<p>NHNN cho rằng việc đề xuất NHNN phải áp dụng nguyên</p>	<p>Như đã giải trình nêu trên, tại dự thảo không quy định tổng hợp toàn</p>

			<p>tác quản lý NSNN theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật NSNN “Toàn bộ các khoản thu, chi NSNN phải được dự toán, tổng hợp đầy đủ vào NSNN” là chưa phù hợp vì tại Luật NSNN không quy định các khoản thu, chi của NHNN là khoản thu, chi của NSTW mà chỉ quy định “chênh lệch thu lớn chi của NHNN” là nguồn thu của NSTW.</p>	<p>bộ các khoản thu – chi (bao gồm cả thu chi nghiệp vụ) của NHNN vào dự toán NSNN. Dự thảo Nghị định quy định đối với các khoản thu, chi nghiệp vụ thì NHNN thực hiện theo pháp luật chuyên ngành (Luật NHNN, Luật TCTD). Riêng đối với các khoản chi phục vụ cho hoạt động quản lý bộ máy (chi cho con người, chi đầu tư XD CB, mua sắm TSCĐ...) thì NHNN thực hiện tương tự như các Bộ, ngành vì theo Luật NHNN thì NHNN cũng là cơ quan ngang Bộ của Chính phủ. Do đó, tại dự thảo quy định:</p> <p>- Bộ Tài chính tổng hợp số chênh lệch thu chi dự kiến nộp NSNN và số góp vốn vào các tổ chức quốc tế vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm và báo cáo Chính phủ, Quốc hội phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng mức khoán kinh phí hoạt động và tổng nguồn vốn được sử dụng để thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản cố định trong năm kế hoạch của NHNN.</p>
<p>2</p>	<p>Về vốn pháp định</p>	<p>NHNN</p>	<p>Tại Điều 4 dự thảo Nghị định quy định:  <i>“1. Mức vốn pháp định của NHNN là 10.000 (mười</i></p>	<p>NHNN cho rằng nhu cầu sử dụng vốn pháp định để góp vốn thành lập/bổ sung vốn cho các doanh nghiệp đặc thù của</p> <p>Tại Điều 8 dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể việc quản lý vốn NHNN góp vốn vào các doanh nghiệp đặc thù áp dụng theo quy</p>

			<p>ngành) tự do. Việc thay đổi mức vốn pháp định của NHNN do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Thông đốc NHNN và Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>2. Vốn pháp định của NHNN được hình thành từ các nguồn sau:</p> <p>a) Nguồn vốn hiện có kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>b) Nguồn vốn được bổ sung từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngân sách nhà nước cấp (nếu có).</li> <li>- Chênh lệch do đánh giá lại tài sản có định theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Nguồn vốn khác (nếu có).</li> </ul> <p>3. NHNN được sử dụng vốn pháp định để:</p> <p>a) Mua sắm tài sản để phục vụ cho hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>b) Góp vốn thành lập doanh nghiệp đặc thù theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Luật NHNN”.</p>	<p>NHNN là có phát sinh trong tương lai. NHNN để nghị bổ sung quy định về quy trình và các vấn đề về quản lý vốn góp vào các doanh nghiệp đặc thù theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Luật NHNN.</p>	<p>định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Thông đốc NHNN ban hành Quy chế quản lý người đại diện tại các doanh nghiệp đặc thù do NHNN góp vốn thành lập.</p> <p>Như vậy, kiến nghị của NHNN đã được thể hiện đầy đủ tại dự thảo Nghị định.</p>
3	Về mua sắm khác (không theo hình	NHNN	<p>Tại Khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định: “Đối với mua sắm tài sản có định khác</p>	<p>NHNN đề nghị bỏ quy định này vì không phù hợp thực tế do NHNN có hệ thống bộ máy</p>	<p>Đối với các Bộ ngành khác thì nguồn mua sắm TSCD được bố trí trong dự toán NSNN cũng với</p>

	thức lập dự án)		<p>(không lập thành dự án). NHNN thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công, pháp luật về đầu thầu và pháp luật có liên quan. Hàng năm, NHNN có trách nhiệm lập kế hoạch, mua sắm tài sản có định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt”</p>	<p>nguồn chi thường xuyên, thâm quyền do Quốc hội phê duyệt. Đối với NHNN có đặc thù là nguồn chi thường xuyên thực hiện theo cơ chế khoán và chi mua sắm TSCD là từ nguồn vốn pháp định. Do đó, để đảm bảo quản lý chặt chẽ, Bộ Tài chính đề xuất hàng năm NHNN báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch mua sắm TSCD thay cho việc Thông đốc NHNN tự quyết định như hiện nay.</p>
4	Về đóng góp vào các tổ chức quốc tế	NHNN	<p>Tại Điều 9 dự thảo Nghị định quy định:  “1. NHNN thực hiện góp vốn lần đầu, góp bổ sung vốn vào các tổ chức quốc tế mà NHNN là đại diện cho Chính phủ Việt Nam theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền từ nguồn ngân sách nhà nước chuyên cho NHNN.  2. Căn cứ vào lộ trình góp vốn đã được các tổ chức quốc tế thông qua, NHNN xây</p>	<p>NHNN đề nghị tiếp tục sử dụng chênh lệch thu chi để đóng góp vào các tổ chức quốc tế để giảm thiểu các thủ tục, quy trình dự toán NSNN; NHNN kịp thời đóng góp theo thông báo của các TCQT. Việc NSNN bố trí dự toán để NHNN thực hiện đóng góp sẽ không chủ động, kịp thời. Trường hợp Bộ Tài chính vẫn bảo lưu quan điểm thì đề nghị làm rõ hơn về loại tiền NSNN</p>

	<p>định dự toán chi ngân sách nhà nước, gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật NSNN.</p> <p>3. Sau khi thực hiện góp vốn, NHNN theo dõi và hạch toán tăng vốn ngân sách nhà nước do NHNN quản lý đối với chức góp vốn vào các tổ chức quốc tế quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. NHNN thực hiện nộp ngân sách nhà nước số có lãi, lợi nhuận thu được từ việc góp vốn vào các tổ chức quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi NHNN nhận được cổ tức, lợi nhuận từ các tổ chức quốc tế. Dòng tiền nộp ngân sách nhà nước là ngoại tệ nhận được từ việc góp vốn”.</p>	<p>sẽ cấp cho NHNN để góp vốn (tiền VND hay ngoại tệ) và nếu cấp bằng VND, cần quy định rõ việc xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh do thay đổi tỷ giá giữa thời điểm lập dự toán NSNN, thời điểm cấp vốn và thời điểm NHNN đóng góp bằng ngoại tệ.</p> <p>Ngoài ra, NHNN cho rằng dự thảo đề xuất các khoản như phí thương niên, phí sử dụng đồng SDK ghi nhận vào chi phí của NHNN là chưa đảm bảo tính thống nhất của nghiệp vụ, sự phù hợp giữa thu nhập và chi phí.</p>	<p>hội; đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Như vậy, Luật Đầu tư công không có quy định bố trí chi đầu tư công cho các Bộ, ngành/doanh nghiệp góp vốn vào tổ chức, doanh nghiệp khác.</p> <p>+ Tài Luật NHNN quy định NHNN được trích từ kết quả tài chính hàng năm để lập quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác do Thủ tướng Chính phủ. Luật NHNN không có quy định cụ thể về việc NHNN được sử dụng chênh lệch thu chi để đóng góp vào tổ chức quốc tế.</p> <p>- Hiện nay, tại Quyết định số 07 quy định NHNN được sử dụng chênh lệch thu chi để đóng góp vào các TCQT mà NHNN tham gia với tư cách đại diện cho Chính phủ Việt Nam (bao gồm đóng niên liễm và</p>
--	---	--	--

				<p>góp vốn cổ phần). Nếu rà soát với Luật NHNN thì quy định này chưa thực sự phù hợp.</p> <p>Sau khi rà soát pháp luật hiện nay, Bộ Tài chính đề xuất dự thảo Nghị định theo hướng:</p> <p>+ Đối với các khoản đóng phí sử dụng quyền rút vốn đặc biệt của IMF (phí sử dụng dòng SDR), đóng phí thường niên vào các TCQT mà NHNN là đại diện thay cho Chính phủ Việt Nam: NSNN bố trí dự toán để NHNN thực hiện. NHNN xây dựng dự toán theo quy định của Luật NSNN.</p> <p>Trên cơ sở ý kiến của NHNN, tại dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã bổ sung quy định cụ thể về đồng tiền NSNN cấp dự toán là VND. Trường hợp phát sinh chênh lệch do tỷ giá tại thời điểm đóng góp thì được xử lý như sau:</p> <p>(i) Trường hợp tỷ giá tại thời điểm đóng góp thấp hơn tỷ giá tạm tính khi giao dự toán dẫn đến số tiền thực đóng góp nhỏ hơn số dự toán được giao thì phần chênh lệch được hủy bỏ.</p> <p>(ii) Trường hợp tỷ giá tại thời điểm đóng góp cao hơn tỷ giá tạm tính khi giao dự toán dẫn đến số tiền thực đóng góp lớn hơn số dự toán được giao thì phần chênh lệch được</p>
--	--	--	--	--

				<p>giảm trừ vào số nộp NSNN từ chính sách thu chi của năm đóng góp.</p> <p>+ Đối với khoản góp vốn vào các TCCOT mà NHNN là đại diện thay cho Chính phủ Việt Nam: NHNN sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia để thực hiện theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.</p>
4	Về thu nhập	<p>NHNN</p> <p>Tài khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định:</p> <p>“Thu từ nghiệp vụ đầu tư dự trữ ngoại hối trên thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật ngoại hối, bao gồm: thu từ nghiệp vụ tiền gửi, thu về nghiệp vụ đầu tư chứng khoán, thu về mua bán chứng khoán trên thị trường quốc tế và các khoản thu đầu tư khác”.</p>	<p>NHNN đề nghị quy định như sau:</p> <p>“Thu từ nghiệp vụ quản lý, đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước, bao gồm:</p> <p>- Các khoản thu từ nghiệp vụ quản lý, đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước trên thị trường quốc tế (nghiệp vụ gửi, mua, bán ngoại tệ và vàng; mua, bán, nắm giữ chứng khoán, giấy tờ có giá bằng ngoại tệ; ủy thác đầu tư và các hình thức đầu tư khác trên thị trường quốc tế do Thống đốc NHNN quy định trong từng thời kỳ; thực hiện hòa thuận hoàn đổi tiền tệ song phương và đa phương với các Ngân hàng Trung ương và tổ chức tài chính quốc tế).</p> <p>- Thu từ nghiệp vụ mua, bán và giao dịch ngoại hối trên thị</p>	<p>Trên cơ sở ý kiến của NHNN, Bộ Tài chính đã chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>“Thu từ nghiệp vụ quản lý, đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước, bao gồm:</p> <p>- Các khoản thu từ nghiệp vụ quản lý, đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước trên thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật ngoại hối, bao gồm: nghiệp vụ gửi, mua, bán ngoại tệ và vàng; mua, bán, nắm giữ chứng khoán, giấy tờ có giá bằng ngoại tệ; ủy thác đầu tư và các hình thức đầu tư khác trên thị trường quốc tế; thực hiện hòa thuận hoàn đổi tiền tệ song phương và đa phương với các Ngân hàng Trung ương và tổ chức tài chính quốc tế.</p> <p>- Thu từ nghiệp vụ mua, bán và giao dịch ngoại hối trên thị trường trong nước (ngoại tệ và vàng) theo quy định của pháp luật ngoại hối”.</p>



				<i>trường trong nước (ngoại tệ và vàng) theo quy định của pháp luật ngoại hối.</i>	
		NHNN	Tại khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định: “NHNN thực hiện phân loại rủi ro đối với các khoản cho vay và có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn của khoản nợ để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu. NHNN chỉ hạch toán dự thu đối với <u>lãi cho vay đối với các khoản cho vay được NHNN đánh giá thu được đầy đủ gốc và lãi đúng hạn</u> ”.	NHNN cho rằng hiện nay NHNN phân loại rủi ro và hạch toán dự thu đối với các khoản cho vay thuộc nhóm 1, tuy nhiên tiêu chí của các khoản vay thuộc nhóm 1 không tương đồng với tiêu chí “đánh giá thu được đầy đủ gốc và lãi đúng hạn”. NHNN đề nghị quy định cụ thể, rõ ràng hơn để ghi nhận hạch toán dự thu trong điều kiện NHNN đã có quy định về phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay.	Tên cơ sở ý kiến của NHNN, Bộ Tài chính bỏ quy định “NHNN chỉ hạch toán dự thu đối với lãi cho vay đối với các khoản cho vay được NHNN đánh giá thu được đầy đủ gốc và lãi đúng hạn” tại dự thảo Nghị định.
5	Về chi phí	Bộ Tư pháp	Tại điểm c khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định quy định các khoản chi không thực hiện theo cơ chế khoán kinh phí gồm “ <u>các khoản chi khác theo quy định của pháp luật</u> ”. Tại khoản 2 Điều 12 dự thảo Nghị định quy định “ <u>các khoản chi phí còn lại. Thống đốc NHNN quy định cụ thể tại quy chế tài chính nội bộ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quy định của mình</u> ”	Bộ Tư pháp đề nghị làm rõ nội hàm của “các khoản chi còn lại” giao Thống đốc NHNN quy định có phải là “các khoản chi khác” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định hay không? Trường hợp “các khoản chi còn lại” không thuộc “các khoản chi khác theo quy định pháp luật” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định, đề nghị làm rõ nguyên tắc xác định các khoản chi này làm căn cứ để Thống đốc NHNN quy định cụ	Tại dự thảo Nghị định đã bỏ nội dung này.

			thể tại quy chế tài chính nội bộ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quy định của mình.	
			NHNN cho rằng dự thảo Nghị định chi quy định các khoản chi đã có định mức chi của Nhà nước, không quy định các khoản chi đặc thù mà giao Thông đốc NHNN tự quyết định là thiếu cơ sở pháp lý.	
	NHNN		<p>NHNN đề nghị bổ sung một số khoản chi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản chi cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng của NHNN gồm chi ăn trưa, chi trang phục, chi bồi dưỡng quyết toán.</li> <li>- Chi xăng dầu.</li> <li>- Chi bồi dưỡng quyết toán.</li> <li>- Chi hỗ trợ Công đoàn ngành Ngân hàng Việt Nam.</li> <li>- Chi hỗ trợ đơn vị sự nghiệp trực thuộc NHNN</li> </ul>	<p>Về đề nghị bổ sung một số khoản chi, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về các khoản chi cho cán bộ, chi xăng dầu: Qua rà soát cơ chế tài chính đặc thù của một số cơ quan đơn vị, Bộ Tài chính thấy rằng hiện nay các cơ quan này không có khoản chi trang phục, chi xăng dầu. Do đó, đề đàm bảo thông nhất với các cơ quan thực hiện cơ chế đặc thù nói riêng và các cơ quan Bộ ngành khác nói chung, Bộ Tài chính đề xuất bỏ các khoản chi nêu trên.</li> <li>- Về chi hỗ trợ Công đoàn ngành Ngân hàng Việt Nam: Tại dự thảo Nghị định quy định NHNN được sử dụng kinh phí tiết kiệm khoản đề chi cho cán bộ công đoàn ngành Ngân hàng Việt Nam đề đàm bảo</li> </ul>

				<p>quyền lợi và phúc lợi tập thể theo quy định của Luật Công đoàn trên cơ sở thống nhất của cán bộ, công chức, nhân viên của NHNN. Khoản chi này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày thực hiện cơ chế tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.</p> <p>- Về chi hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp: Theo quy định hiện nay thì NSNN hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động đối với các DVSN tự chủ một phần. Hiện nay, NHNN cũng có 02 DVSN trực thuộc hưởng hỗ trợ trực tiếp từ NSNN là Học viện Ngân hàng và Trường ĐH TP.Hồ Chí Minh. Để đảm bảo đúng quy định và thống nhất với các DVSN khác, Bộ Tài chính đề xuất quy định bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của DVSN công lập.</p>
		<p>Tại khoản 2 Điều 12 dự thảo Nghị định quy định "Chi phí của NHNN là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động của NHNN; có đủ hóa đơn, chứng</p>	<p>Bộ Tư pháp cho rằng bên cạnh các khoản chi có hóa đơn, chứng từ theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa</p>	<p>Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Đối với các khoản chi không có hóa đơn thì phải có chứng từ hợp lệ như khoản chi góp vốn vào doanh</p>

			từ hợp lệ theo quy định của pháp luật”	đơn, chứng từ, một số các khoản chi đặc thù nghiệp vụ của NHNN như chi nghiệp vụ góp vốn vào doanh nghiệp đặc thù, khoản chi đã hạch toán thu nhập nhưng không thể thu được... Bộ Tư pháp đề nghị rà soát, nghiên cứu chỉnh lý cho phù hợp.	nghiệp đặc thù thì phải có hồ sơ, chứng từ chứng minh việc góp vốn vào doanh nghiệp.
6	Về cơ chế khoán kinh phí hoạt động đối với NHNN	Bộ Tư pháp	Tại khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định “NHNN dự kiến và lập kế hoạch tài chính, trong đó bao gồm kế hoạch chi tiết về phương án khoán kinh phí hoạt động gửi Bộ Tài chính để Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định...”	Bộ Tư pháp đề nghị rà soát, làm rõ cơ sở pháp lý của việc quy định thẩm quyền “phê duyệt tổng mức khoán kinh phí hoạt động và tổng kinh phí được sử dụng để thực hiện kế hoạch mua sắm TSCD trong năm kế hoạch của NHNN” cho Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo nguyên tắc Thủ tướng Chính phủ không làm thay chức năng của Bộ Tài chính, NHNN và các Bộ, ngành có liên quan.	- Đối với các Bộ ngành: Kinh phí hoạt động được thực hiện theo dự toán ngân sách được Quốc hội phê duyệt. Thủ tướng Chính phủ sẽ quyết định giao dự toán cho các Bộ ngành. - Đối với NHNN: NHNN là cơ quan lấy thu bù chi, chi phí hoạt động của NHNN không lấy trực tiếp từ dự toán ngân sách do đó không tổng hợp vào chi hành chính để trình Quốc hội phê duyệt nhưng NHNN cũng là cơ quan ngang Bộ theo Luật NTFN, vì vậy tương tự như các Bộ ngành khác, kế hoạch tài chính của NHNN do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là phù hợp về thẩm quyền (tương tự như BHHH hiện nay).
		Bộ KH&ĐT		Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu báo cáo rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn quy định về thẩm quyền giao khoán kinh phí hoạt động đối với NHNN đảm bảo khả thi, phù hợp với tình hình thực tế để NHNN thực hiện tốt chức năng của	

	NHNN		ngân hàng trung ương.	
	NHNN		NHNN cho rằng quy định này là chưa phù hợp vì NHNN không phải là đơn vị dự toán NSNN nên không áp dụng quy định Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách như các Bộ ngành và cơ quan thuộc Chính phủ khác.	
	Bộ Tư pháp	Tại khoản 5 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định “NHNN được trích bổ sung Quỹ dự phòng ổn định thu chi trong trường hợp NHNN hoàn thành chi tiêu nộp NSNN được giao”.	Bộ Tư pháp đề nghị làm rõ sự cần thiết của việc lấy tiêu chí hoàn thành chi tiêu nộp NSNN để làm điều kiện cho phép chi trích bổ sung Quỹ dự phòng ổn định thu nhập từ chênh lệch thu chi. Một trong những chức năng, nhiệm vụ của NHNN là ổn định chính sách tiền tệ quốc gia, ổn định giá trị đồng tiền và kiểm soát lạm phát; do vậy cũng cần làm rõ cách hiểu thế nào là hoàn thành chi tiêu nộp NSNN tương ứng với chức năng, nhiệm vụ của NHNN.	- Tại Luật NHNN (Khoản 3 Điều 45) quy định kết quả tài chính của NHNN sau khi trích lập các quỹ được nộp vào NSNN. - Hiện nay, theo quy định tại dự thảo Nghị định thì cân bổ, công chức NHNN được hưởng tối đa 2,8 lần lương thực tế, gồm 01 lần tiền lương, 01 lần từ khoản chi khen thưởng, phúc lợi (02 lần lương này được hạch toán vào chi phí của NHNN) và tối đa 0,8 lần lương thực tế chi bổ sung thu nhập (trong đó bổ sung 0,55 lần lương thực tế từ chênh lệch thu chi của NHNN và 0,25 lần lương thực tế từ nguồn kinh phí tiết kiệm các khoản chi khác). - Tại dự thảo Nghị định quy định “NHNN được trích bổ sung Quỹ dự phòng ổn định thu nhập từ chênh lệch thu chi trong trường hợp NHNN hoàn thành chi tiêu nộp ngân sách nhà nước được giao. Mức trích đảm bảo số dư của quỹ tối đa
	NHNN		NHNN đề nghị bỏ đoạn “NHNN được trích bổ sung Quỹ dự phòng ổn định thu nhập từ chênh lệch thu chi trong trường hợp NHNN hoàn thành chi tiêu nộp NSNN được giao” vì NHNN không hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận	

					không quá 03 (ba) tháng lương thực hiện" nhằm tạo điều kiện cho NHNN có nguồn để chi đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống NHNN trong trường hợp kinh phí tiết kiệm từ kinh phí khoán và kinh phí được trích từ chênh lệch thu chi trong năm không đủ để đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức và nhân viên hợp đồng của NHNN. Do đó, việc quy định điều kiện để NHNN được trích bổ sung Quỹ dự phòng ổn định thu nhập từ chênh lệch thu chi trong trường hợp NHNN hoàn thành chỉ tiêu nộp NSNN được giao (nộp NSNN theo dự toán được giao) là phù hợp.
		Bộ KH&ĐT		Đề nghị bổ sung quy định nguyên tắc quản lý, trình tự, thủ tục sử dụng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập.	Trên cơ sở ý kiến của Bộ KH&ĐT, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định giao Thống đốc NHNN ban hành quy chế nội bộ về quản lý, sử dụng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập.
7	Về sử dụng khoản dự phòng rủi ro	Bộ Tư pháp	Tại khoản 3 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định khoản dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp các khoản tổn thất hoặc coi như tổn thất trong hoạt động của Ngân hàng Nhà nước sau khi đã bù đắp từ các nguồn (nếu có) quy	Đề nghị bổ sung những trường hợp được xác định là "coi như tổn thất" để đảm bảo tính thống nhất của dự thảo Nghị định. Đồng thời đề nghị phối hợp với NHNN rà soát tình hình thực tiễn xử lý tổn thất của NHNN, nghiên cứu cụ thể	Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp và NHNN, Bộ Tài chính đã bỏ cụm từ "coi như tổn thất" tại dự thảo Nghị định. Tại dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể các khoản tổn thất trong hoạt động của NHNN được sử dụng khoản DPRR để xử lý.

		<p>định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định này. Bao gồm:</p> <p>a) Các khoản tồn thất phát sinh từ hoạt động tin dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản nợ được xóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>- Các khoản cho vay, các khoản trả thay tổ chức tín dụng có đủ bằng chứng tin cậy là không còn khả năng thu hồi nợ khi tổ chức tín dụng bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.</li> <li>h) Các khoản tồn thất trong hoạt động thanh toán và ngân quỹ:</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản tồn thất trong khi thực hiện nghiệp vụ thanh toán như sự cố Kỹ thuật mạng thanh toán, công nghệ.</li> <li>- Tồn thất về tiền, vàng, tài sản quý và giấy tờ có giá phát sinh trong hoạt động ngân quỹ do nguyên nhân bất khả kháng, bao gồm: tồn thất trong quá trình vận chuyển trên đường có xảy ra sự cố như bị tai nạn, bị cướp, bị phá hoại, thiên tai, hỏa hoạn, khủng bố, chiến tranh; tồn thất tiền mặt, tài sản quý, giấy</li> </ul>	<p>hóa các trường hợp tồn thất và coi như tồn thất để quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng trong áp dụng pháp luật.</p>
--	--	---	---

		<p>từ có giá tại nơi giao dịch. kho tiền do bị cướp, bị phá hoại, hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh, khủng bố.</p> <p>c) Các khoản tồn thất phát sinh trong hoạt động quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước và can thiệp bình ổn thị trường vàng trong nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tồn thất về tiền, vàng, và giấy tờ có giá gửi tại ngân hàng nước ngoài do nguyên nhân bất khả kháng như quốc gia nơi Ngân hàng Nhà nước gửi tiền bị chiến tranh, khủng bố, phá sản, thiên tai và ngân hàng nước ngoài đó không còn khả năng thanh toán.</li> <li>- Rủi ro do giảm giá chứng khoán đầu tư trên thị trường tài chính quốc tế do những nguyên nhân khách quan như chiến tranh, khủng bố, thiên tai; rủi ro trong việc kiểm định chất lượng vàng, giảm giá vàng.</li> <li>d) Xử lý các khoản thanh toán với nhà nước và ngân sách nhà nước theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>đ) Các khoản tồn thất khác trong quá trình hoạt động có đủ bằng chứng tin cậy để</li> </ul>	
--	--	--	--



			chứng minh đã bị tồn thất.		
8	Về quy thực hiện	Bộ Tư pháp	Tại khoản 1 Điều 15 dự thảo	<p>NHNN cho rằng:</p> <p>- Việc quy định sử dụng khoản DPRK để xử lý các khoản thanh toán với nhà nước và NSNN là chưa hợp lý vì các khoản thanh toán với nhà nước và NSNN (bao gồm các khoản sử dụng Quỹ DTNH và sử dụng tiền phát hành) có mục đích sử dụng là để đầu tư phát triển, phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, giáo dục, đào tạo... Theo Luật NSNN và Luật NHNN thì NSNN cần hoàn trả các khoản sử dụng này theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Về ban hành quy định phân loại tài sản có rủi ro, xác định số phải trích lập DPRK: Ủy ban kiểm tra Trung ương đã có ý kiến việc NHNN tự ban hành quy định này chưa đảm bảo tính khách quan. NHNN đề nghị quy định Bộ Tài chính, chủ trì phối hợp với NHNN ban hành văn bản này như kiến nghị của UBKTTW.</p>	<p>Ý kiến của Bộ Tài chính:</p> <p>- Về các khoản sử dụng DTNH và tiền phát hành: Đây là các khoản phát sinh từ lâu, được chi trên cơ sở các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và đến nay, NSNN không nhận nợ các khoản chi này. Do đó, việc NHNN cho rằng NSNN cần hoàn trả là chưa phù hợp. Hiện nay, Bộ Tài chính (Vụ TCNH chủ trì) cũng đang phối hợp với NHNN và các Bộ ngành liên quan để báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề báo cáo Bộ Chính trị về phương án xử lý. Nội dung này sẽ được báo cáo riêng tại tờ trình khác.</p> <p>- Về ban hành quy định phân loại tài sản có rủi ro, xác định số phải trích lập DPRK: Tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định cụ thể về nội dung này.</p>
				Bộ Tư pháp đề nghị giải trình	Ý kiến của Bộ Tài chính:

	chính sách tiền tệ		Nghị định quy định “Trích lập quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia. Mức trích bằng 10% chênh lệch thu, chi hàng năm. Số dư thực có của Quỹ không được vượt quá 50% mức vốn pháp định của NHNN”.	rõ lý do của việc điều chỉnh này để đảm bảo việc điều chỉnh phù hợp, tương thích với chức năng, nhiệm vụ của NHNN theo quy định của Luật NHNN năm 2010.	<p>- Tại Luật NHNN (Điều 45) quy định NHNN được trích từ kết quả tài chính hàng năm để lập Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia (Quỹ CSTT). Luật NHNN không quy định cụ thể về mục đích sử dụng của Quỹ này.</p> <p>- Tại Quyết định số 07 quy định NHNN được trích lập Quỹ CSTT, mức trích bằng 20% chênh lệch thu, chi hàng năm cho đến khi số dư của Quỹ bằng mức vốn pháp định (10.000 tỷ đồng). Quỹ CSTT được sử dụng: (i) cho vay hỗ trợ các TCTD gặp sự cố ảnh hưởng đến an toàn hệ thống; (ii) cho vay đối với các thành viên tham gia hệ thống thanh toán; (iii) cho vay đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để thực hiện các biện pháp góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD; (iv) góp vốn, mua cổ phần của TCTD được kiểm soát đất biết; (v) các khoản phát sinh khác liên quan đến thực hiện chính sách tiền tệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về chủ trương.</p> <p>- Tuy nhiên, trên thực tế NHNN chưa sử dụng Quỹ CSTT để cho vay hỗ trợ các TCTD gặp sự cố ảnh hưởng đến an toàn hệ thống, cho vay đối với các thành viên tham gia hệ thống thanh toán.</p>
--	--------------------	--	--	---	---

	Thanh tra Chính phủ	Tại dự thảo Nghị định quy định “Số dư Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia chưa sử dụng hết trong năm được tiếp tục sử dụng trong các năm tiếp theo”.	Đề nghị cân nhắc, xem xét bổ sung quy định về xử lý số dư Quỹ CSTT.			- Tại dự thảo Nghị định bỏ quy định sử dụng Quỹ CSTT để cho vay hỗ trợ các ICTD gặp sự cố ảnh hưởng đến an toàn hệ thống và cho vay đối với các thành viên tham gia hệ thống thanh toán vì (i) thực tế đến nay NHNN chưa sử dụng Quỹ này để cho vay, (ii) quy mô Quỹ CSTT nhỏ so với hoạt động cho vay để đảm bảo an toàn hệ thống, (iii) việc cho vay này tương tự như cho vay khác của NHNN như cho vay tái cấp vốn, cho vay đặc biệt do đó sử dụng tiền phát hành để đảm bảo sự thông nhất trong điều hành chính sách tiền tệ, (iv) thông lệ quốc tế cho thấy NHTW các nước không có Quỹ CSTT. Do mục đích sử dụng Quỹ CSTT đã được thu hẹp, Bộ Tài chính đề xuất giảm mức trích hàng năm từ 20% xuống tới đa bằng 10% chênh lệch thu, chi hàng năm để bổ sung Quỹ CSTT.
Kiểm toán Nhà nước	Tại khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định “Quỹ	Đề nghị rà soát để xem xét sự phù hợp, thống nhất giữa	Theo Luật NHNN, NHNN sử dụng vốn pháp định để thành lập doanh			

			<p>CSTT được sử dụng để: a) cấp vốn điều lệ, cấp bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong các lĩnh vực in đúc tiên; xử lý nợ xấu của các TCTD Việt Nam. b) Góp vốn vào các doanh nghiệp, tổ chức khác có chức năng, nhiệm vụ tiên đến thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia”</p> <p>Tại tiết b khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định “NHNN được sử dụng vốn pháp định để góp vốn thành lập doanh nghiệp đặc thù theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Luật NHNN”.</p>	<p>Khoản 2 Điều 16 và tiết b khoản 3 Điều 4.</p>	<p>nghiệp đặc thù.</p> <p>Về việc sử dụng Quỹ CSTT: Tại dự thảo quy định cho phép NHNN được sử dụng Quỹ CSTT để cấp vốn điều lệ và cấp bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong các lĩnh vực in đúc tiên; xử lý nợ xấu của các TCTD Việt Nam mà trước đây NHNN đã sử dụng Quỹ CSTT để cấp bổ sung vốn điều lệ và đã được NHNN báo cáo là có liên quan đến thực hiện chính sách tiền tệ của NHNN (như VAMC, Nhà máy in tiên)</p>
9	Về hiệu lực thi hành	Bộ Tư pháp	<p>Tại khoản 1 Điều 23 dự thảo Nghị định quy định: “Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày...tháng...năm 2022, các chế độ tài chính quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2022”</p>	<p>Bộ Tư pháp đề nghị rà soát lại về thời điểm có hiệu lực của văn bản cho phù hợp vì theo Luật ban hành VBQPPL, thời điểm có hiệu lực của văn bản không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định như sau: “Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày...tháng...năm 2022”.</p>